

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành: RĂNG HÀM MẶT

Mã số: 8720501

Hải Phòng – Năm 2024

MỤC LỤC

I. Nội dung đề án mở mã ngành đào tạo	3
1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo.....	3
2. Sự cần thiết mở mã ngành Thạc sĩ Răng Hàm Mặt.....	6
3. Căn cứ pháp lý đảm bảo điều kiện để mở mã ngành:	12
4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở mã ngành đào tạo	14
5. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.....	16
6. Điều kiện về bộ máy tổ chức quản lý để mở mã ngành đào tạo.....	17
7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo	17
II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ RĂNG HÀM MẶT	20
Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	20
1. Một số thông tin về chương trình đào tạo.....	20
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	20
3. Thông tin tuyển sinh:.....	20
Phần 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	21
A. Ma trận chuẩn đầu ra	21
B. Chuẩn đầu ra.....	25
1. Chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn.....	25
2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng	25
3. Chuẩn đầu ra về thái độ (mức tự chủ và chịu trách nhiệm).....	26
4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp	26
5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	26
6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo	26
Phần 3: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	27
A. Khung chương trình chung.....	27
B. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo:	27
C. Phân bố học phần/môn học theo học kỳ	29
D. Phân bố quỹ thời gian cho chương trình	31
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	33

ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành đào tạo:	Thạc sĩ Răng Hàm Mặt
Mã số:	8720501
Tên cơ sở đào tạo:	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ

I. Nội dung đề án mở mã ngành đào tạo

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Y Hải Phòng (nay là Trường Đại học Y Dược Hải Phòng) được thành lập dựa trên Cơ sở II Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng (1979) phân hiệu Đại Học Y Hải Phòng (1985) với sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực y tế uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và chú trọng phát triển y dược biển đảo Việt Nam; với chức năng và nhiệm vụ là đào tạo nguồn nhân lực y tế phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

1.1. Chức năng nhiệm vụ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế và nghiên cứu khoa học thuộc hệ thống giáo dục đại học, là đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có biểu tượng đặc trưng cho ngành nghề.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở đào tạo có chức năng: đào tạo cán bộ khoa học có trình độ đại học, sau đại học và tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học, áp dụng các thành quả nghiên cứu về y học trong công tác đào tạo và khám chữa bệnh. Triển khai xây dựng và thực hiện các dự án, các công trình nghiên cứu cấp cơ sở, cấp Thành phố, cấp Bộ, cấp Nhà nước và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

1.2. Bộ máy tổ chức

Hiện nay, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức gồm: Đảng ủy- Ban giám hiệu, Hội đồng trường, 09 khoa (02 văn phòng khoa), 66 bộ môn trực thuộc), 11 phòng ban, 08 trung tâm, 1 tạp chí sức khỏe và 01 bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với 28 Khoa, phòng chức năng.

Các khoa đào tạo của trường: Khoa Dược, Khoa Răng Hàm Mặt, Khoa Điều dưỡng, Khoa Y học cổ truyền, Khoa Kỹ thuật y học, khoa Y tế công cộng, khoa Y học biển, Khoa Y.

Các phòng ban chức năng gồm: phòng Quản lý Đào tạo Đại học, phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, phòng Công nghệ thông tin, phòng Quản lý khoa học, phòng Tài chính kế toán, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Hợp tác quốc tế, phòng Quản trị, phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Vật tư - Trang thiết bị, phòng Công tác chính trị, Ban thanh tra – Pháp chế.

Các bộ môn trực thuộc trường: bộ môn Nội, bộ môn Ngoại & PTHH, bộ môn Sản – Phụ khoa, bộ môn Nhi, bộ môn Mắt, bộ môn Tai - Mũi – Họng, bộ môn Thần kinh, bộ môn Da liễu, bộ môn Tâm thần, bộ môn Lao và Bệnh phổi, bộ môn Truyền nhiễm, bộ môn Giải phẫu, bộ môn Hóa sinh, bộ môn Sinh lý, bộ môn Sinh lý bệnh - Dị ứng – Miễn dịch, bộ môn Ký sinh trùng, bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, bộ môn Mô – Bệnh học, bộ môn Vi sinh vật, bộ môn Ung bướu, bộ môn Phục hồi chức năng, bộ môn Y học gia đình, bộ môn Toán, bộ môn Tin, bộ môn Giáo dục thể chất, bộ môn Sinh học di truyền, bộ môn Ngoại ngữ, bộ môn Hóa học, bộ môn Lý luận chính trị.

Các trung tâm trực thuộc trường: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Mô phỏng lâm sàng, Trung tâm Giáo dục y học và Nghiên cứu khoa học, Trung tâm Thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học.

Bệnh viện trực thuộc trường: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

1.3. Quy mô đào tạo

Qua 46 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo nhiều cán bộ, góp phần cho xã hội, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thành phố Hải Phòng và các tỉnh phía Bắc.

Đào tạo trình độ đại học: Trường đã nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học từ năm 1979, tới nay đã có 07 ngành gồm: Y đa khoa, Dược, Răng Hàm Mặt, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học.

Đào tạo trình độ thạc sĩ: Trường nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ cao học và cấp bằng thạc sĩ từ năm 2004 theo Quyết định số 44/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao 08 chuyên ngành gồm: Ngoại khoa, Nội khoa, Nhi khoa, Y học biển, Y tế công cộng, Kỹ thuật y học, Điều Dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng.

Đào tạo trình độ tiến sĩ: Trường nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 2011 theo quyết định số 4386/QĐ-GDDT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã và đang đào tạo 04 chuyên ngành gồm: Y tế công cộng (2011), Nhi khoa (2014), chuyên ngành Nội Hô hấp (2017), chuyên ngành Ngoại Tiêu hoá (2017).

Đào tạo trình độ bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I, cấp II: Hiện Trường nhận nhiệm vụ đào tạo 6 mã ngành BSNT, 23 mã ngành CKI và 16 mã ngành CKII.

Kiểm định chương trình đào tạo: Tính đến nay Trường đã thực hiện đánh giá ngoài 7 CTĐT trình độ Đại học và 3 chương trình đào tạo Sau đại học.

Hội đồng xét chức danh GS, PGS cấp cơ sở: Từ năm 2009 tới nay, trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở xét chức danh giáo sư, phó giáo sư thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe. Từ năm 2012 tới nay, trường đã có 107 ứng cử viên của cơ sở được Hội đồng chức danh GS, PGS cấp Nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn.

Nghiên cứu khoa học: Trường luôn xác định nghiên cứu khoa học là một phần không thể thiếu được đối với mỗi cán bộ giảng dạy cũng như các tập thể khoa, bộ môn, phòng. Chỉ tính từ năm 2012 tới nay cán bộ giảng viên đã thực hiện 06 đề tài cấp Nhà nước, 55 đề tài cấp Bộ, 1407 đề tài cấp Trường, công bố 1447 bài báo trong nước và 170 bài báo quốc tế.

Hợp tác quốc tế: Hợp tác quốc tế trong đào tạo cũng là thế mạnh của nhà Trường. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là một trong những trung tâm đào tạo của hệ thống Pháp ngữ (Filiere francophone). Trường đã nhận nhiệm vụ của Hiệp hội các trường đại học sử dụng từng phần hoặc toàn phần tiếng Pháp (AUPELE - UREE) đào tạo trình độ thạc sĩ y tế công cộng cho Lào và Campuchia tại Viên Chăn - Lào. Nhiều giảng viên được đi học tập các chuyên đề nâng cao tại Nhật Bản, Đài Loan, Hoa Kỳ, Liên bang Nga và một số nước Châu Á. Một số đề tài nghiên cứu khoa học trong hợp tác quốc tế đang được triển khai thực hiện. Hiện nay, Nhà trường đã có mối quan hệ hợp tác với 61 tổ chức quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Khen thưởng: Với sự nỗ lực không ngừng của các thế hệ lãnh đạo, các chủ nhiệm

bộ môn, chủ nhiệm khoa, phòng và tập thể cán bộ giảng dạy, các thế hệ sinh viên, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng vinh dự được nhận các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, của các Bộ/ Ngành đoàn thể gồm: 01 Huân chương Độc lập hạng ba năm 2014, Huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba, 18 Huân chương lao động hạng ba cho các đơn vị và các cá nhân, 04 Huy chương kháng chiến, nhiều cờ thi đua của thành phố Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ công an, Hội chữ thập đỏ, Thành đoàn thành phố Hải Phòng, Trung ương Đoàn, Hội sinh viên Việt Nam vì thành tích đào tạo nguồn nhân lực y tế cho địa phương và cơ quan nêu trên. Năm 2019 nhà trường vinh dự nhận được Bằng khen, Giấy khen của Bộ Y Tế, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, của Thành ủy và UBND thành phố Hải Phòng. Đặc biệt nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc liên tục từ năm 2014 đến nay.

1.4. Giới thiệu về Khoa Răng Hàm Mặt.

Khoa Răng Hàm Mặt chính thức được thành lập theo quyết định số 3725/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Y Tế. Hiện tại, khoa gồm 06 bộ môn: Nha khoa cơ sở và X-quang răng, Chữa răng và nội nha, Phẫu thuật trong miệng và nha chu, Phục hình và kỹ thuật phục hình, Phẫu thuật hàm mặt và bệnh học miệng, Nha khoa dự phòng và phát triển.

Cán bộ cơ hữu: gồm 28 cán bộ, trong đó: 02 PGS.TS, 05 TS, 08 ThS, 02 BSKII, 04 NCS (02 đang theo học tại Okayama, Nhật Bản), 04 cán bộ đang theo học chương trình sau đại học (Mẫu 1, 2)

Cán bộ thỉnh giảng: gồm 30 cán bộ, trong đó: 01 GS, 06 PGS, 18 TS, BSKII, 06 ThS. (Mẫu 3)

Công tác Đào tạo: Trường nhận nhiệm vụ đào tạo bác sĩ Răng Hàm Mặt theo Quyết định số 1278/QĐ – BGĐT ngày 24/03/2008 về việc đào tạo đại học ngành Răng Hàm Mặt. Cho đến nay đã tuyển sinh khóa thứ 15 với hơn 500 bác sĩ Răng Hàm Mặt đã tốt nghiệp.

Năm 2008 Nhà trường bắt đầu đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I Răng Hàm Mặt theo Quyết định số 06/QĐ-BYT, năm 2018 đào tạo Bác sĩ chuyên khoa II Răng Hàm Mặt theo Quyết định số 3472/QĐ-BYT.

2. Sự cần thiết mở mã ngành Thạc sĩ Răng Hàm Mặt

2.1. Lý do đề nghị mở mã ngành đào tạo

Với xu thế phát triển và hội nhập, ngành Y tế nước ta đang phát triển với các xu thế cơ bản: gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, hiện đại hóa nhanh chóng, xã hội hóa ngày càng cao, mô hình bệnh tật có sự thay đổi. Ngành Răng Hàm Mặt nằm trong sự phát triển chung của ngành Y tế cần phải đẩy mạnh các định hướng về: hiện đại hóa ngành, triển khai nhiều kỹ thuật mới đáp ứng thiết thực cho chẩn đoán lâm sàng, điều trị các bệnh lý liên quan đến Răng Hàm Mặt, phục vụ ngày càng tốt hơn nữa công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Cần phải có một đội ngũ cán bộ được trang bị đầy đủ kiến thức, phương tiện để đáp ứng công tác quản lý, tổ chức chỉ đạo thực hiện các kỹ thuật khám chữa bệnh hiện đại, chủ động sáng tạo trong phục vụ chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện.

Để chủ động hội nhập quốc tế và hợp tác giữa các Trường Y - Dược trong nước, đòi hỏi phải có mô hình đào tạo đa ngành đa cấp theo quy hoạch mạng lưới các trường đại học trong cả nước.

Tỷ lệ người bị bệnh răng miệng ở nước ta còn cao, có trên 80% người có sâu răng, trên 70% người có viêm lợi và viêm quanh răng, trên 80% thanh thiếu niên có lệch lạc răng cần điều chỉnh, có một tỷ lệ cao người trưởng thành mất răng cần phục hồi răng; các loại bệnh lý vùng hàm mặt như các loại u và ung thư, viêm nhiễm vùng hàm mặt, dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt, các loại chấn thương vùng hàm mặt... rất thường gặp. Do đó, xã hội rất cần các bác sĩ có trình độ cao để cung cấp cho mạng lưới y tế của đất nước. Xu hướng phát triển và ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong y học trong những năm gần đây đã giúp cho ngành Y tế có những bước phát triển đột phá. Công tác khám chữa bệnh cần ngày càng được nâng cao hơn nữa, ứng dụng nhiều kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Răng Hàm Mặt.

Do sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội trong thời kỳ đổi mới, sự thay đổi về cơ cấu bệnh tật với xu hướng gia tăng nhu cầu cung cấp dịch vụ y tế ngày càng cao, đòi hỏi phải có chuyên khoa sâu. Do vậy, nhu cầu đào tạo lực lượng cán bộ ngành Răng Hàm Mặt có trình độ cao và năng lực làm việc tốt, chuyên nghiệp ngày càng tăng và trở nên cấp thiết.

2.2. Phân tích về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực hiện tại

Tiến hành khảo sát nhu cầu của các bệnh viện trong thành phố Hải Phòng như bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp, Bệnh viện trẻ em và các bệnh viện thuộc các tỉnh lân cận như Hải Dương, Quảng Ninh và các tỉnh khác. Kết quả khảo sát cho thấy, nhu cầu của các bệnh viện cần Bác sĩ Răng Hàm Mặt trình độ Thạc sĩ khá cao. Năm thứ nhất từ 08 đến 10, 5 năm kế tiếp có nhu cầu sử dụng từ 12 đến 18 và sau 10 năm có kế hoạch nhân lực có trình độ Thạc sĩ Răng Hàm Mặt từ 25 đến 29.

Nhân sự thạc sĩ Răng Hàm Mặt tại các bệnh viện cần cho các vị trí việc làm như trưởng, phó trưởng các khoa khám, liên chuyên khoa điều trị và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại địa phương.

Năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn bác sĩ Răng Hàm Mặt trình độ thạc sĩ sẽ có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

- Về kiến thức:

- Vận dụng được phương pháp luận của triết học Mác – Lênin trong việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của xã hội, của ngành khoa học.
- Vận dụng các nguyên lý của xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực để triển khai một hoạt động dạy học.
- Vận dụng được kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường trong hành nghề RHM.
- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kiến thức liên chuyên khoa để chẩn đoán và điều trị các vấn đề Răng Hàm Mặt.
- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức liên chuyên khoa trong nghiên cứu các vấn đề Răng Hàm Mặt.
- Phân tích được kiến thức chuyên sâu trong điều trị và nghiên cứu các vấn đề Răng Hàm Mặt.
- Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học để thực hiện đề tài nghiên cứu trong vấn đề Răng Hàm Mặt và viết báo.

- Về kỹ năng:

- Thực hiện được một hoạt động dạy học tại các cơ sở thực hành.
- Chẩn đoán và điều trị các vấn đề thường gặp trong Răng Hàm Mặt.
- Chẩn đoán và điều trị một số vấn đề phức tạp trong Răng Hàm Mặt.

- Xử trí được các cấp cứu thông thường trong Răng Hàm Mặt.
- Tư vấn và can thiệp dự phòng được các vấn đề răng miệng thường gặp cho trẻ em và cộng đồng.
- Hoàn thành và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- Viết báo cáo khoa học, bài báo khoa học, bài trình bày hội nghị khoa học.

- Về thái độ (tự chủ và tự chịu trách nhiệm)

- Tuân thủ quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật, của các cơ quan quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo của ngành RHM.
- Thể hiện các hành vi chuyên nghiệp, đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.
- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp, trong thực hành nghề nghiệp.
- Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp.

Khoa Răng Hàm Mặt mở mã ngành đào tạo thạc sĩ là phù hợp xu hướng phát triển ngành đào tạo Răng Hàm Mặt trên thế giới, trong nước, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng và cả nước.

2.3. Năng lực cơ sở đào tạo Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt

Khoa Răng Hàm Mặt tiền thân là bộ môn Răng Hàm Mặt trực thuộc trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Năm 2009, khoa Răng Hàm Mặt chính thức được thành lập theo quyết định số 3725/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Y Tế.

Qua quá trình phát triển và phấn đấu không ngừng, hiện tại đội ngũ giảng dạy rất ổn định. Nhân sự của Khoa trưởng thành hơn về số lượng và cả chất lượng.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu gồm có 28 giảng viên: trong đó 02 PGS, 05 TS, 02 BSCKII, 07 NCS (04 ThS, 03 BS), 08 ThS, 07 cán bộ đang theo học BSCK II, ThS.

Đội ngũ kiêm chức có 30 cán bộ gồm 01 GS, 06 PGS, 18 TS, BSCKII, 06 ThS, BSCKI đều là các giảng viên bác sĩ có uy tín của trường Đại Học Y Hà Nội, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội & Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp Hải Phòng để giảng dạy các môn học chuyên ngành, các môn chung, môn cơ sở và môn hỗ trợ.

Nhà trường trang bị cho khoa đầy đủ về cơ sở vật chất nhằm đáp ứng cho học tập, thực hành và nghiên cứu như các khu giảng đường, trung tâm thư viện, trung tâm nghiên cứu, trung tâm mô phỏng tiền lâm sàng và các bệnh viện thực hành vệ tinh như:

- Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số: 05/HĐTH-BVRHMHN ngày 08/08/2024 cho các đối tượng Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II và Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.

- Bệnh viện Bạch Mai căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số:01/2024/BVBM-ĐHYHP ngày 29/05/2024 cho các đối tượng bao gồm: bác sĩ chuyên khoa cấp II (ngoại tiêu hóa, thần kinh, hồi sức cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh, nội hô hấp, nội xương khớp, nội tim mạch, dị ứng – miễn dịch lâm sàng, gây mê hồi sức, hóa sinh y học, nội tiêu hóa, tâm thần, ung thư), Tiến sĩ (nội chung, ngoại chung), Thạc sĩ (điều dưỡng, răng hàm mặt, nội khoa, ngoại khoa), bác sĩ chuyên khoa cấp I (chẩn đoán hình ảnh, thần kinh, nội tim mạch, xét nghiệm y học, ung thư, hồi sức cấp cứu, gây mê hồi sức, nội khoa, phục hồi chức năng, truyền nhiễm, Răng hàm mặt), bác sĩ nội trú (nội hô hấp, thần kinh, nội thận tiết niệu, nội tim mạch, truyền nhiễm, ung thư, nội xương khớp, chẩn đoán hình ảnh, hồi sức cấp cứu, huyết học truyền máu, nội khoa, ngoại khoa, răng hàm mặt).

- Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp căn cứ theo bản công bố số 2313/BVVT-TTĐTCDT ngày 05/05/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số 05/2022/HĐTH-BVHNVT ngày 16/05/2022 cho các đối tượng bao gồm nghiên cứu sinh Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng; Thạc sĩ Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi Khoa, Y tế công cộng, Xét nghiệm Y học, Y học biển, Dược lý & Dược lâm sàng, Điều dưỡng, Y học dự phòng; Chuyên khoa cấp II Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội chung, Sản phụ khoa, Nhi chung, Nhi-thận tiết niệu, Nhi Hô hấp, Ngoại chung, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hoá, Răng Hàm Mặt, Tâm thần, Tai Mũi Họng, Y học cổ truyền. Chuyên khoa cấp I Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Mắt, Tai Mũi Họng, Hoá sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Lao, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung thư, Tâm thần, Xét nghiệm Y học, Gây mê hồi sức, Điều dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng, Y học dự phòng. Hợp đồng nguyên tắc về đào

tạo thực hành với Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng số 05/2022/HĐTH-BVPSHP ký ngày 18 tháng 5 năm 2022 cho các đối tượng bao gồm Chuyên khoa cấp II Sản phụ khoa; Chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa; Chuyên khoa Cấp I Điều dưỡng; Bác sĩ nội trú Sản phụ khoa; Thạc sĩ Điều Dưỡng. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng số 50a/2022/HĐTH-BVTE ký ngày 30 tháng 7 năm 2019 cho các đối tượng bao gồm Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II kèm phụ lục hợp đồng năm 2022 bổ sung các đối tượng Nghiên cứu sinh Nhi khoa; Thạc sĩ Điều dưỡng, Răng Hàm Mặt; Chuyên khoa cấp I Điều dưỡng; Bác sĩ nội trú Răng Hàm Mặt.

- Bệnh Viện Trẻ Em Hải Phòng căn cứ theo bản công bố số 193/BVTE-KHTH ngày 13/04/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong trong đào tạo khối ngành sức khỏe; căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số 30/2022/PLHD-BVTEHP ngày 12/05/2022 cho các đối tượng bao gồm Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II kèm phụ lục hợp đồng năm 2022 bổ sung các đối tượng Nghiên cứu sinh Nhi khoa; Thạc sĩ Điều dưỡng, Răng Hàm Mặt; Chuyên khoa cấp I Điều dưỡng; Bác sĩ nội trú Răng Hàm Mặt.

- Bệnh viện Đại Học Y Hải Phòng là bệnh viện thực hành của Trường.

Các bệnh viện đáp ứng là cơ sở thực hành đào tạo khối ngành sức khỏe được công bố công khai trên cổng thông tin Sở Y tế Hải Phòng theo đường link <http://soytehaiphong.gov.vn/soytehpg/1283/30605/53500/DS-co-so-dap-ung-co-so-thuc-hanh-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe/>. Cụ thể Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp căn cứ theo bản công bố số 2313/BVVT-TTĐTCDT ngày 05/05/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Bệnh Viện Trẻ Em Hải Phòng căn cứ theo bản công bố số 193/BVTE-KHTH ngày 13/04/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

2.4. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo:

Trong Hội nghị giao ban ngành Răng hàm mặt tháng 12 năm 2021 tại Hà Nội, PGS.TS Lương Ngọc Khuê - Cục trưởng Cục Quản lý Khám chữa bệnh thay mặt lãnh đạo Bộ y tế tham gia và phát biểu ghi nhận sự đóng góp và phát triển của ngành Răng

Hàm Mặt. Lần đầu tiên trong lịch sử ngành, Bộ Y tế đã phê duyệt 01 Đề án; 670 Quy trình kỹ thuật. Cục trưởng đề nghị ngành Răng Hàm Mặt tiếp tục phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo với chính quyền địa phương triển khai hiệu quả Đề án “Nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt và chăm sóc sức khỏe răng miệng cộng đồng giai đoạn 2021-2030” tại QĐ số 5628/QĐ-BYT ngày 09/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Đây là cơ sở pháp lý, chỉ đạo theo Nghị quyết của TW Đảng Khóa XII, Khóa XIII để triển khai và khắc phục những tồn tại hàng chục năm trước đây của ngành Răng Hàm Mặt nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao trong việc bảo vệ, chăm sóc và điều trị cho nhân dân. Ngành Răng Hàm Mặt lấy người bệnh làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người bệnh và nhân viên cùng sự phát triển các kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu, tăng cường chất lượng Bệnh viện làm động lực để phát triển; ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chức năng nhiệm vụ như Bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa, Hợp tác quốc tế và đào tạo, chuyển giao gói kỹ thuật cho tuyến dưới. Chính vì vậy, việc mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ Răng hàm mặt nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn vững vàng, có khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật y học, có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề về bệnh răng miệng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ trong đề án mà Bộ y tế đã phê duyệt. Bên cạnh đó, nhà trường và khoa mở mã ngành trong thời điểm này là phù hợp với xu hướng phát triển ngành đào tạo Răng Hàm Mặt trên thế giới, trong nước, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng và khu vực.

3. Căn cứ pháp lý đảm bảo điều kiện để mở mã ngành:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

1. Luật giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019.
2. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quy

định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

4. Nghị định số 111/2017/NĐ-CP, ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành Sức khỏe.

5. Nghị định số 43/2000/NĐ - CP ngày 30/08/2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

6. Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định về khối kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

7. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 về quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

8. Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 4 năm 2017 về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 1 năm 2022 về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

10. Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

11. Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, được bổ sung tại Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Thông tư số 23/2021/TT_BGD&ĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng GD&ĐT về ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

13. Quyết định số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/6/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo sau đại học.

14. Quyết định số 02/2001/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/01/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế Tuyển sinh sau đại học.

15. Nghị quyết số 44/NQ-HĐT-YDHP ngày 25 tháng 1 năm 2022 của Hội đồng trường về việc mở mã ngành đào tạo Bác sĩ nội trú bệnh viện chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

16. Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở mã ngành đào tạo

4.1. Nguồn nhân lực

Cán bộ cơ hữu chuyên ngành Răng Hàm Mặt: gồm 17 cán bộ, trong đó: 02 PGS.TS, 05 TS, 02 BSKII, 08 Ths, (Mẫu 1, 2). Trong số đó, các cán bộ giảng viên cơ hữu chủ trì ngành đào tạo như sau:

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành
1	<i>Nguyễn Xuân Thực, 25/07/1974</i> Phó trưởng BM Phẫu thuật trong miệng và Nha chu, Khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Phó giáo sư 2018	Răng Hàm Mặt
2	<i>Phạm Hoàng Tuấn, 14/11/1966</i> Phó trưởng bộ môn Phẫu thuật hàm mặt và Bệnh học miệng, Khoa Răng Hàm Mặt - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Phó giáo sư 2018	Răng Hàm Mặt
3	<i>Trần Thị An Huy, 13/12/1971</i> Trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Trưởng BM Chữa răng và nội nha – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2018, Đại học Y Hà Nội.	Răng Hàm Mặt
4	<i>Phạm Thanh Hải, 07/05/1984</i> Phó trưởng khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2016, Đại học Okayama, Nhật Bản	Nha khoa
5	<i>Đồng Thị Mai Hương, 16/01/1979</i> Trưởng BM Phẫu thuật trong miệng và nha chu, Khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2022, Đại học Y Hà Nội	Răng Hàm Mặt
6	<i>Phạm Thị Hồng Thùy, 16/01/1983</i> Phó Trưởng BM Nha khoa Dự phòng và Phát triển, Khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2022, Viện nghiên cứu Y dược lâm sàng 108	Răng Hàm Mặt
7	<i>Nguyễn Thị Thu Hà, 16/08/1989</i> Giảng viên bộ môn Chữa răng và Nội nha	Tiến sĩ năm 2020, Đại học Okayama, Nhật Bản	Nha khoa

Cán bộ thỉnh giảng: gồm 30 cán bộ, trong đó: 01 GS, 06 PGS, 18 TS, BSCCKII, 06 ThS (Mẫu 1,2).

4.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Khoa định hướng phát triển mạnh các công trình nghiên cứu khoa học theo các hướng: lâm sàng, cộng đồng, thực nghiệm ... đặc biệt các đề tài được thực hiện tại vùng Duyên Hải, mang nét đặc trưng riêng về yếu tố địa dư mà ít cơ sở nào có được. Sự tham gia

của các giảng viên, học viên và sinh viên đã hoàn thành nghiệm thu cho hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Thành phố và cơ sở.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành Răng Hàm Mặt do cơ sở đào tạo thực hiện (Mẫu 4).

- Các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu thuộc ngành đăng ký đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây (Mẫu 5).

- Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn mà học viên có thể tiếp cận (Mẫu 4, 5).

4.3. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trong những năm trở lại đây, quan hệ quốc tế và xu thế hội nhập ngày càng phát triển mạnh mẽ. Khoa Răng Hàm Mặt đã kí kết hợp tác với các trường đại học trên thế giới như Nhật Bản, Mỹ, Pháp, Hàn Quốc, Đài Loan,... luôn luôn có sự gắn kết với các cơ sở đào tạo trên toàn quốc và kết nối với Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam. Hàng năm, chương trình trao đổi học viên và giảng viên với các nước trên thế giới đã giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy và chuyên ngành. Hàng năm, các giảng viên nhà trường nhận được học bổng toàn phần của các chương trình ngắn hạn và dài hạn sau đại học tại Nhật Bản, Mỹ và nhiều nước khác.

4.4. Lộ trình kế hoạch phát triển nhân lực

- Đội ngũ giảng viên không ngừng học tập vươn lên về cả chuyên ngành và ngoại ngữ, khoa có kế hoạch mỗi năm sẽ có 02 giảng viên đi học NCS và Chuyên khoa II để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.

- Hàng năm, chương trình trao đổi học viên và giảng viên với các nước trên thế giới đã giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy và chuyên ngành. Hàng năm, các giảng viên nhà trường nhận được học bổng toàn phần của các chương trình ngắn hạn và dài hạn sau đại học tại Nhật Bản, Mỹ và nhiều nước khác.

- Khoa thực hiện kế hoạch rà soát tự đánh giá chương trình đào tạo 02 năm một lần và kiểm định chương trình theo chu kỳ 05 năm nhằm duy trì tập huấn nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo

Khoa Răng Hàm Mặt có các cơ sở thực hành tại trường, và các bệnh viện trên địa bàn

thành phố. Tại trường, khoa có khu Thực hành tiền lâm sàng, gồm các phòng học riêng được trang bị đầy đủ các thiết bị mô phỏng hiện đại phục vụ cho tất cả các đối tượng đại học và sau đại học. Ngoài ra, khoa còn có các cơ sở thực hành tại các Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Bệnh viện Y học Hải Quân, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện RHM TƯ Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng. Đây cũng là nơi tiếp đón các chuyên gia trong nước và quốc tế đến giảng dạy và chuyển giao công nghệ.

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng hiện có trên 50 Giảng đường, 12 phòng học riêng, các phòng hội thảo khoa học được trang bị đầy đủ máy chiếu, máy tính, âm thanh và 01 Trung tâm Sinh học phân tử (Mẫu 6).

- Thư viện Trường Đại học Y Dược Hải Phòng có 60 đầu sách chuyên ngành và tạp chí Y học trong và ngoài nước đảm bảo đủ nhu cầu học tập và tham khảo. Ngoài ra người học có thể truy cập thư viện điện tử (Mẫu 7).

- Bên cạnh đó còn có phòng thí nghiệm và cơ sở thực hành tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp, Bệnh viện RHM TƯ Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng với 58 thiết bị, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với 59 thiết bị phục vụ công tác đào tạo (Mẫu 8).

- Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất: Trong năm 2022 Khoa trang bị thêm 10 ghế máy nha khoa để đảm bảo cho đào tạo. Trong năm 2024 - 2025: trang bị thêm 20 hệ thống phantom mô phỏng cho phòng tiền lâm sàng. Kế hoạch 5 năm 2022 - 2027 mở rộng cơ sở bệnh viện thực hành nhằm nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo. Ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, giảng dạy và công tác đào tạo.

6. Điều kiện về bộ máy tổ chức quản lý để mở mã ngành đào tạo

- a) Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học thực hiện quản lý đào tạo chung và khoa Răng Hàm Mặt là đơn vị đào tạo quản lý các hoạt động chuyên môn.

- b) Dựa theo các học phần được xây dựng trong chương trình đào tạo, phân công cán bộ trưởng các học phần quản lý chuyên môn và tổ chức các hoạt động chuyên môn ở từng học phần đó.

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a) Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra.

b) Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS NGUYỄN VĂN KHẢI

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ RĂNG HÀM MẶT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-YDHP ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Hải Phòng, tháng.....năm 20.....

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ RĂNG HÀM MẶT

MÃ SỐ: 8720501

Phần I

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Ngành học: Răng hàm mặt (Odonto – Stomatology)
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - định hướng ứng dụng
- Mã số chuyên ngành: **8720501**
- Hệ đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt
 - + Tiếng Anh: Master of Odonto – Stomatology
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Đào tạo thạc sĩ Răng Hàm Mặt có trình độ chuyên môn vững vàng, có khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật y học, có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề về bệnh răng miệng.

3. Thông tin tuyển sinh:

- Tuyển sinh hàng năm: theo quy định của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự tuyển:
 - + Đủ sức khỏe.
 - + Hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
 - + Văn bằng: có bằng Bác sĩ Răng- Hàm- Mặt chính quy.

- + Điều kiện đầu vào để dự tuyển đối với ngoại ngữ: Học viên có trình độ ngoại ngữ cấp độ B1 trở lên hoặc tương đương với bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia.
- + Điều kiện tốt nghiệp dành cho học viên với trình độ ngoại ngữ cấp độ B2 trở lên hoặc tương đương với bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia
- Phương thức tuyển sinh: môn thi
- + Môn chuyên ngành: Răng Hàm Mặt
- + Môn cơ sở hoặc giải phẫu.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 10 học viên/khóa.

Phần 2

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

**MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA VỚI CÁC HỌC PHẦN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THẠC SĨ RĂNG HÀM MẶT**

Chuẩn đầu ra CTĐT		Học kì 1							Học kì 2 - Học kì 3 - Học kì 4						
Mã CDR	Nội dung CDR	TH 1	PPD H 2	THU D 3	PPN CKH 4	GPĐ MC 5	TMH 6	NKC S 7	CCC N1 8	CCC N2 9	CCC N3 10	CCT C1 11	CCT C2 12	CCT C3 13	Luận văn
1	Về kiến thức														
1.1	Kiến thức chung														
PLO.1	1.Vận dụng được phương pháp luận của triết học Mác – Lênin trong việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của xã hội, của ngành khoa học	X													
PLO.2	2.Vận dụng các nguyên lý của xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực để triển khai một hoạt động dạy học		X										X		
PLO.3	3.Vận dụng được kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường trong hành nghề RHM									X			X	X	
1.2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành														
PLO.4	1.Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kiến thức liên chuyên khoa để chẩn đoán và điều trị các vấn đề Răng Hàm Mặt					X			X	X	X		X		
PLO.5	2.Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức liên chuyên khoa trong nghiên cứu các vấn đề Răng Hàm Mặt					X	X	X	X	X	X		X	X	
PLO.6	3.Phân tích được kiến thức chuyên sâu trong điều trị và nghiên cứu các vấn đề Răng Hàm Mặt					X		X	X	X	X	X	X		
1.3	Kiến thức nghiên cứu khoa học														
PLO.7	Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học để thực hiện đề tài nghiên cứu trong vấn đề Răng Hàm Mặt và viết báo			X	X					X	X	X	X		X

2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng														
2.1	Kĩ năng chung														
PLO.8	Thực hiện được một hoạt động dạy học		X							X		X	X	X	
2.2	Kĩ năng cơ sở và chuyên ngành														
PLO.9	1. Điều trị thành thạo các vấn đề thường gặp trong RHM					X			X	X	X	X	X		
PLO.10	2. Điều trị được một số bệnh có tổn thương liên chuyên khoa trong Răng Hàm Mặt					X	X		X	X		X	X		
PLO.11	3.Xử trí được các cấp cứu thông thường trong RHM					X				X			X	X	
PLO.12	4.Tư vấn và can thiệp dự phòng được các vấn đề răng miệng thường gặp cho trẻ em và cộng đồng					X				X	X		X		
2.3	Kĩ năng nghiên cứu khoa học														
PLO.13	1.Hoàn thành và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ ngành RHM									X			X		X
PLO.14	2.Viết báo cáo khoa học, bài báo khoa học, bài trình bày hội nghị khoa học			X						X		X	X	X	X
3	Chuẩn đầu ra về thái độ														
PLO.15	1.Tuân thủ quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật, của các cơ quan quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo của ngành RHM								X	X	X		X	X	
PLO.16	2.Thể hiện các hành vi chuyên nghiệp, đạo đức trong thực hành nghề nghiệp				X	X			X	X	X		X	X	
PLO.17	3.Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp, trong thực hành nghề nghiệp										X				
PLO.18	4.Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp			X					X			X			X

Mã học phần

1. TH
2. PPDH
3. THUD
4. PPNCKH
5. GPĐMC
6. TMH

5. NKCS
6. CCCN1
7. CCCN2
8. CCCN3
9. CCTC1
10. CCTC2
11. CCTC3

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức chung

- Vận dụng được phương pháp luận của triết học Mác – Lênin trong việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của xã hội, của ngành khoa học.
- Vận dụng các nguyên lý của xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực để triển khai một hoạt động dạy học.
- Vận dụng được kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường trong hành nghề RHM.

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kiến thức liên chuyên khoa để chẩn đoán và điều trị các vấn đề Răng Hàm Mặt.
- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức liên chuyên khoa trong nghiên cứu các vấn đề Răng Hàm Mặt.
- Phân tích được kiến thức chuyên sâu trong điều trị và nghiên cứu các vấn đề Răng Hàm Mặt.

1.3. Kiến thức nghiên cứu khoa học

- Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học để thực hiện đề tài nghiên cứu trong vấn đề Răng Hàm Mặt và viết báo.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

2.1. Kỹ năng chung

- Thực hiện được một hoạt động dạy học

2.2. Kỹ năng cơ sở và chuyên ngành

- Chẩn đoán và điều trị các vấn đề thường gặp trong Răng Hàm Mặt.
- Chẩn đoán và điều trị một số vấn đề phức tạp trong Răng Hàm Mặt.
- Xử trí được các cấp cứu thông thường trong Răng Hàm Mặt.
- Tư vấn và can thiệp dự phòng được các vấn đề răng miệng thường gặp cho trẻ em và cộng đồng.

2.3. Kỹ năng nghiên cứu khoa học

- Hoàn thành và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt .
- Viết báo cáo khoa học, bài báo khoa học, bài trình bày hội nghị khoa học.

3. Chuẩn đầu ra về thái độ (mức tự chủ và chịu trách nhiệm)

- Tuân thủ quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật, của các cơ quan quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo của ngành RHM.

Thể hiện các hành vi chuyên nghiệp, đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.

- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp, trong thực hành nghề nghiệp.

- Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Học viên có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

- Bác sĩ chính làm việc trong các cơ sở y tế công lập có chuyên khoa Răng Hàm Mặt (theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ)

- Giảng viên, Nghiên cứu viên, Giảng viên chính, Nghiên cứu viên chính tại các cơ sở giáo dục và đào tạo có ngành Răng Hàm Mặt.

- Chuyên viên, chuyên viên chính tại các cơ sở quản lý y tế.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Học viên có khả năng nghiên cứu học tập tiếp theo ở trình độ Tiến sĩ ngành Răng Hàm Mặt.

- Học viên có khả năng nghiên cứu, học tập ở bậc học Chuyên khoa cấp II ngành Răng Hàm Mặt.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo.

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Y Hà Nội.
- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần 3

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Khung chương trình chung

Số TT	Khối lượng học tập	Khối lượng tín chỉ			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Tỉ lệ %
1.	Học phần kiến thức chung	09	06	03	23,8
2.	Học phần kiến thức cơ sở	06	04	02	
3.	Học phần kiến thức chuyên ngành	27	09	18	42,8
4.	Học phần kiến thức chuyên ngành (tự chọn)	12	03	09	19
5.	Luận văn	09	0	09	14,4
Tổng		63	22	41	100%

* 01 tín chỉ tương ứng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, cộng đồng.

* 01 tiết thực hành (TH) đã được quy đổi tương ứng với 01 tiết lý thuyết.

B. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo:

STT	Mã số	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/tiết học	
					LT	TH
Phần kiến thức chung			09	180	6/90	3/90
01	TH	Triết học	3	45	3/45	0
02	PPDH	Phương pháp dạy học	2	45	1/15	1/30
03	THUD	Tin học ứng dụng	2	45	1/15	1/30
04	PPNCKH	Phương pháp NCKH	2	45	1/15	1/30

STT	Mã số	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/tiết học	
					LT	TH
Phần kiến thức cơ sở (bắt buộc)			6	120	4/60	2/60
01	GPĐMC	Giải phẫu đầu mặt cổ	2	45	1/15	1/30
02	TMH	Tai mũi họng	2	45	1/15	1/30
03	NKCS	Nha khoa cơ sở	2	30	2/30	0
Phần kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)			27	945	9/135	18/810
01	CCCN1	Chữa răng nội nha - Nha chu - Phục hình	9	315	3/45	6/270
02	CCCN2	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	9	315	3/45	6/270
03	CCCN3	Răng trẻ em- Nha cộng đồng - Chỉnh hình răng mặt	9	315	3/45	6/270
Phần kiến thức chuyên ngành (tự chọn 1 trong 3 học phần)			12	450	3/45	9/405
01	CCTC1	Chữa răng nội nha - Nha chu - Phục hình	12	450	3/45	9/405
02	CCTC2	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	12	450	3/45	9/405
03	CCTC3	Răng trẻ em– Nha cộng đồng- Chỉnh hình răng mặt	12	450	3/45	9/405
Luận văn			9	270	0	9/270

STT	Mã số	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/tiết học	
					LT	TH
Tổng			63	1965	22/330	41/1635

C. Phân bố học phần/môn học theo học kỳ

STT	Tên học phần/môn học	Mã số	Phân bố theo học kỳ				Danh sách giảng viên
			I	II	III	IV	
1.	Triết học	TH	3				TS. Trịnh Thị Thủy
2.	Phương pháp dạy học	PPDH	2				TS. Nguyễn Thị Phương Mai, TS. Vũ Mạnh Tân
3.	Tin học ứng dụng	THUD	2				ThS. Trần Thanh Vân
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PPNCKH	2				GS. Phạm Minh Khuê, TS. Nguyễn Thị Thu Thảo
5.	Giải phẫu đầu mặt cổ	GPĐMC	2				TS. Nguyễn Bảo Trân, TS. Phạm Thành Nguyên
6.	Tai mũi họng	TMH	2				PGS. Vũ Văn Sản

STT	Tên học phần/môn học	Mã số	Phân bố theo học kỳ				Danh sách giảng viên
			I	II	III	IV	
7.	Nha khoa cơ sở	NKCS	2				TS. Phạm Thanh Hải, BSCK II.ThS Đoàn Trung Hiếu
8.	Nội nha - Nha chu - Phục hình	CCCN1		09			TS. Trần Thị An Huy, TS. Nguyễn Thị Thu Hà
9.	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	CCCN2		07	02		TS. Phạm Thanh Hải, BSCK II. ThS. Nguyễn Minh Tuấn
10.	Răng trẻ em - Nha cộng đồng - Chỉnh hình răng mặt	CCCN3			09		PGS Nguyễn Xuân Thực, TS. Phạm Thị Hồng Thùy
11.	Nội nha - Nha chu - Phục hình	CCTC1			05	07	TS. Trần Thị An Huy, TS. Nguyễn Thị Thu Hà

STT	Tên học phần/môn học	Mã số	Phân bố theo học kỳ				Danh sách giảng viên
			I	II	III	IV	
12.	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	CCTC2					TS. Phạm Thanh Hải, BSCK II. ThS. Nguyễn Minh Tuấn
13.	Răng trẻ em – Nha cộng đồng - Chỉnh hình răng mặt	CCTC3					PGS Nguyễn Xuân Thực, TS. Phạm Thị Hồng Thùy
14.	Luận văn					09	
TỔNG CỘNG TÍN CHỈ		63	15	16	16	16	

Học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn, học viên chọn 1 trong 3 học phần.

D. Phân bố quỹ thời gian cho chương trình

Thời gian đào tạo thạc sĩ Răng Hàm mặt là 02 năm và được phân bố quỹ thời gian cho chương trình như sau:

Học kỳ	Học tập (tuần)	Thi (tuần)	Tết/Hè (tuần)	Tổng (tuần)
I	20	3	2	25
II	19	2	4	25
III	20	3	2	25
IV	19	2	4	25
Tổng	78	10	12	100

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

❖ Tên Module/học phần:	
Tiếng Việt:	Triết học Mác Lênin
Tiếng Anh:	Philosophy
❖ Mã số Module/học phần/học phần:	TH
❖ Đối tượng áp dụng:	Thạc sĩ Răng Hàm Mặt
❖ Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☒ Môn học chung	☐ Môn cơ sở và hỗ trợ
☐ Môn chuyên ngành	☐ Môn tự chọn
☐ Luận văn/học phần tốt nghiệp	
❖ Số tín chỉ:	03
Số tiết lý thuyết/số buổi:	45 tiết
Số tiết thực hành/số buổi:	0
Số tiết tự học:	90 tiết
❖ Điều kiện tham dự module/học phần:	
Module/học phần tiên quyết:	Không
Module/học phần song hành:	
❖ Khoa/Bộ môn/Giảng viên phụ trách:	- Bộ môn Lý luận chính trị - GV phụ trách: TS. GVC Trịnh Thị Thủy. Email: ttthuy@hpmu.edu.vn ĐT: 0916626226

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu tổng quát

Học phần Triết học Mác - Lênin dùng cho khối ngành không chuyên Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ các ngành tự nhiên và công nghệ là học phần nghiên cứu khái

lược về lịch sử Triết học, phân tích nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống xã hội Việt Nam. Phân tích nội dung mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành nói chung và chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ nói riêng. Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau Đại học, nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu và cuộc sống đặt ra, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ, củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

CLO1: Trình bày được khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết phương Đông, phương Tây và Triết học Mác – Lênin.

CLO2: Phân tích được vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ.

CLO3: Giải thích, chứng minh được các nội dung của Triết học Mác – Lênin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

CLO4: Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học triết học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu và cuộc sống đặt ra, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

CLO5: Củng cố thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp làm việc khoa học. Rèn luyện khả năng tư duy logic, biện chứng. Phê phán những quan điểm sai lầm của các thế lực thù địch chống lại con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

2.3. Ma trận Chuẩn đầu ra của học phần (CLO) – Đối chiếu với chuẩn đầu ra CTĐT theo giai đoạn (PLO)

CDR CT CLO	PLO.1	PLO.2	PLO.3	PLO.4	PLO.5	PLO.6	PLO.7	PLO.8	PLO.9	PLO.10	PLO.11	PLO.12	PLO.13	PLO.14	PLO.15	PLO.16	PLO.17	PLO.18
CLO1	x																	
CLO2	x																	
CLO3	x																	
CLO4	x																	
CLO5	x																	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Viết tiểu luận
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

3.2. Lượng giá cuối kỳ:

- Hình thức: Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc.
- Thời gian: sau kết thúc học lý thuyết.

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TL} \cdot 0.2 + \text{LT} \cdot 0.8$$

Mục tiêu	Nhớ: (20%)	Hiểu: (30%)	Áp dụng: (20%)	Phân tích : (30%)	Đánh giá (...%)	Sáng tạo (...%)	Tổng (%)
CLO1 (20%)	1						20
CLO 2 (30%)		1					30
CLO 3 (20%)				1			20
CLO 4 (20%)			1				20
CLO5 (10%)			1				10
Tổng							100

+ Thực hành: Không

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

STT	Nội dung	Số tiết	CLO	PP dạy học
1	Chương 1. Khái luận về Triết học I. Triết học phương đông cổ trung đại 1. Triết học Ấn Độ cổ trung đại 2. Triết học Trung Hoa cổ đại II. Lịch sử triết học Tây Âu trước Mác 1. Triết học Hy Lạp cổ đại. 2. Triết học Tây Âu trung cổ. 3. Triết học Phục hưng và Cận đại. 4. Triết học cổ điển Đức. III. Lịch sử TT triết học Việt Nam 1. Những nội dung thể hiện lập trường duy vật và duy tâm 2. Nội dung của tư tưởng yêu nước Việt Nam	15	CLO 1	- Phương pháp thuyết trình kết hợp phương pháp dạy học mới: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, sêmina,...
2	Chương 2. Triết học Mác – Lênin 1. Sự ra đời và các giai đoạn phát triển của triết học Mác – Lênin 2. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	15	CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5	- Phương pháp thuyết trình kết hợp phương pháp dạy học mới: nêu vấn đề,

STT	Nội dung	Số tiết	CLO	PP dạy học
	3. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 4. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 5. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 6. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay			thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, sêmina,..
3	Chương 3. Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học 1. Mối quan hệ giữa khoa học với Triết học 2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của Triết học đối với sự phát triển của khoa học	10	CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO5	- Phương pháp thuyết trình kết hợp phương pháp dạy học mới: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, sêmina,..
4	Chương 4. Vai trò của Khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội 1. Ý thức khoa học 2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội 3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam	5	CLO 2: CLO 3: CLO 4: CLO5	- Phương pháp thuyết trình kết hợp phương pháp dạy học mới: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, sêmina,..

4.2. Thực hành: Không

5. TÀI LIỆU DẠY – HỌC

5.1. Sách, giáo trình

Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

5.2. Tài liệu tham khảo

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007.

2) Nguyễn Văn Tài: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) Nhà xuất bản ĐHSP, 2020.

3) Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. GVC Trịnh Thị Thủy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	Th.s Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	
Mã học phần: PPDH	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng Hàm Mặt	
Loại học phần: ☐ x Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ x Giáo dục đại cương ☐ Chuyên ngành ☐ Cơ sở ngành. ☐ Tự chọn ☐ Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phòng 512, tầng 5 nhà A - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	1	
Số tiết	30	15	15	30
Số buổi	9	4	5	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Giảng dạy là một nhiệm vụ tất yếu của các Thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo Y tế như các Trường Đại học, Cao đẳng Y và các bệnh viện thực hành. Học phần “Phương pháp dạy học” đào tạo cho học viên khả năng thiết kế bài dạy học và thực hiện dạy học dựa trên năng lực Y khoa một cách hiệu quả, đáp ứng với nhu cầu xã hội.

- Các khái niệm then chốt (nếu có):
 - Nguyên lý constructive alignment
 - 4 điểm đổi mới của GDYK dựa trên năng lực
 - 4 thành phần ABCD và tiêu chí SMART của mục tiêu học tập tốt
 - Thang Bloom, Dave, Krathword

- Chiến lược lượng giá
- Tính tin cậy, giá trị của phương pháp lượng giá
- MCQ hiệu quả
- 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả
- Tương tác hệ thống
- 5 phương pháp dạy học tích cực
- Nội dung, hướng dẫn dạy học hợp lý

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	PLO8
CLO2	Vận dụng được kiến thức về các thành phần và tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	PLO8
CLO3	Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt	PLO8
CLO4	Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, kế hoạch bài giảng để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu, lượng giá	PLO8
CLO5	Viết được mục tiêu học tập tốt	PLO8
CLO6	Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với mục tiêu học tập	PLO8
CLO7	Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực	PLO8
CLO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp	PLO8
CLO9	Tuân thủ nội quy lớp học	PLO 15
CLO10	Tôn trọng bạn đồng môn, thầy cô	PLO16
CLO11	Hoàn thành các bài tập đúng thời hạn	PLO 15

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá chuyên cần: điểm trình bày bài tập của học viên trên lớp

3.2. Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi trắc nghiệm
- Công cụ: 60 câu MCQ/ 50'
- Điều kiện : > 2/10 điểm

- Chiến lược lượng giá:

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ (20%)	Hiểu (30%)	Áp dụng (50%)	
CLO1. Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	13%	2	2	0	4
CLO2. Vận dụng được kiến thức về các thành phần và tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	13%	1	1	2	4
CLO3 Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt.	34%	1	3	6	10
CLO4 Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, kế hoạch bài giảng để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu, lượng giá	40%	2	3	7	12
Tổng số		6	9	15	30

3.3. Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học:

- Phương pháp : đóng vai
- Công cụ : Rubric cho 1 bài giảng trong 20’

- Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

Mục tiêu	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
LO5 Viết được mục tiêu học tập tốt	10%			x	
LO6 Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT	6%			x	
LO7 Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực	81%			x	
LO8 Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp	3%			x	

3.4. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập
 - Tham gia thảo luận nhóm

Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5

Điều kiện đạt ; điểm TKHP $\geq 4/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
1.	Chương 1: Giới thiệu môn học Bài 1. Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực. 1. Hiểu lý do chuyển đổi sang GDYK dựa trên năng lực. 2. Giải thích 4 đặc điểm của GDYK dựa trên năng lực. 3. Phân tích sự khác biệt giữa GDYK dựa trên năng lực với dựa trên cấu trúc-quy trình. 4. Giải thích 3 yếu tố quyết định để đạt được GDYK dựa trên năng lực. 5. Giải thích trình tự 6 bước xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực theo nguyên lý “constructive alignment”.	2	2	0	CLO1	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
2.	Chương 2: Mục tiêu học tập Bài 2: Mục tiêu học tập 1. Phân tích được vai trò của viết mục tiêu học tập tốt trong giáo dục Y khoa. 2. Phân tích các mức độ của thang nhận thức, kỹ năng, thái độ.	4	2	2	CLO2 CLO5 CLO 9, CLO1 0CLO 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Động não/ Thảo luận)

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
	3. Phân tích được 4 thành phần A.B.C.D và 5 tiêu chí S.M.A.R.T trong viết mục tiêu học tập. 4. Viết được 3 mục tiêu cụ thể trong một bài giảng chuyên ngành.					
3.	Chương 3. Lượng giá dựa trên năng lực	11	5	6		
	Bài 3: Chiến lược lượng giá 1. Định nghĩa được chiến lược lượng giá. 2. Xác định các thành phần, các bước xây dựng chiến lược lượng giá. 3. Thiết kế được chiến lược lượng giá module, môn học.		1	1	CLO3 CLO6, CLO9, CLO1 0CLO 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	Bài 4: Phương pháp và công cụ lượng giá 1. Phân biệt lượng giá với đánh giá (khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và mục đích). 2. Giải thích 2 tiêu chí của lượng giá dựa trên năng lực. 3. Xây dựng nội dung lượng giá theo test blue print.		2	1	CLO3 CLO6	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
	4. Giải thích ưu-nhược điểm của các phương pháp lượng giá và biện pháp khắc phục. 5. Giải thích nguyên tắc chọn lựa phương pháp và công cụ lượng giá.					
	Bài 5: MCQ hiệu quả 1. Phân tích câu hỏi trước khi thi nhằm phát hiện các lỗi thường gặp. 2. Phân tích 10 nguyên tắc viết câu hỏi tốt. 3. Phân tích câu hỏi sau thi: chỉ số khó, chỉ số phân cách, mỗi nhữ. 4. Viết được 03 câu MCQ tốt phù hợp thang Bloom.		2	4	CLO3 CLO6, CLO9, CLO1 0 CLO1 1	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
4.	Chương 4: Một số phương pháp/ hoạt động dạy học tích cực	10	5	5		
	Bài 6: Thuyết trình hiệu quả 1. Phân tích 5 yếu tố thiết yếu giúp thuyết trình hiệu quả 2. Tránh 5 sai lầm thường gặp khi thuyết trình 3. Áp dụng 5 nguyên tắc thiết kế slide tốt và cải thiện kỹ năng thuyết trình		1		CLO4 CLO7, CLO1 0CLO 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
	Bài 7: Hệ thống tương tác 1. Phân tích được ưu điểm của AIRS 2. Áp dụng AIRS để tạo bài giảng		0	1	CLO4 CLO7, CLO9, CLO1 0CLO 11	Dạy 1 kỹ năng
	Bài 8: Các phương pháp dạy học tích cực 1. Định nghĩa khái niệm “dạy-học” tích cực. 2. Hiểu lý do tại sao phải dạy-học tích cực. 3. Giải thích 7 nguyên tắc dạy-học tích cực. 4. Giải thích ý nghĩa của 5 phương pháp dạy-học tích cực. 5. Lập kế hoạch dạy-học tích cực.		4	4	CLO4 CLO7, CLO9, CLO1 0CLO 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
5.	Chương 5: Hướng dẫn học tập, kế hoạch bài dạy học 1. Phân tích được một kế hoạch bài giảng, hướng dẫn học tập tốt. 2. Xây dựng được một kế hoạch bài giảng, hướng dẫn học tập tốt.	3	1	2	CLO4 CLO8, CLO9, CLO1 0CLO 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
Tổng số		30	15	15		

5. TÀI LIỆU DẠY – HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- 1) Phạm Văn Thúc, Nguyễn Ngọc Sáng: “Phương pháp dạy - học lâm sàng” Nhà Xuất bản Y học, 2012.
- 2) Trần Diệp Tuấn (2020). Giảng dạy lâm sàng dựa trên năng lực NXB Y học

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Phạm Thị Minh Đức (2019). Sư phạm Y học Thực hành. NXB Giáo dục Việt Nam.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- 1) PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng - Cố vấn chuyên môn Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 2) TS.BS Nguyễn Thị Phương Mai - Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phụ trách học phần.
- 3) TS.BS Đào Thu Hồng - Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 4) TS.BS Vũ Mạnh Tân - Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 5) TS.BS Kê Thị Lan Anh - Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách Đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Tin học ứng dụng	
Mã học phần: THUD	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng Hàm Mặt	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☒ Kiến thức chung, đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành. ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Tin học	
Email liên hệ: bmtin@hpmu.edu.vn .	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	
Số tiết	45	15	30	45
Số buổi	10	4	5	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Tin ứng dụng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Răng Hàm Mặt.

Học phần này trang bị cho học viên các kiến thức về tin học trong lĩnh vực sức khỏe, giúp người học có các kiến thức và kỹ năng thực hiện thành thạo, hiệu quả

nhất trong việc sử dụng một phần mềm thống kê để xử lý số liệu phục vụ cho nghiên cứu khoa học, sử dụng thành thạo các phần mềm để trích dẫn tài liệu tham khảo, trình bày và báo cáo luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học đúng quy cách, lưu trữ, quản lý, bảo mật dữ liệu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Áp dụng một phần mềm xử lý số liệu để thiết kế cấu trúc bảng số liệu, nhập, mã hóa, thống kê, kiểm định và phiên giải kết quả.	PLO7
CLO 2	Áp dụng được phần mềm thực hiện: quản lý và trình bày tài liệu tham khảo; kỹ thuật trình bày báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học, lưu trữ, quản lý, bảo mật an toàn dữ liệu.	
CLO 3	Sử dụng được phần mềm phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học: thiết kế cấu trúc, nhập, lưu trữ bảng số liệu, phân tích thống kê mô tả và thống kê suy luận, kiểm định tương quan và xây dựng phương trình hồi quy tuyến tính và phiên giải được các kết quả phân tích.	PLO14
CLO 4	Sử dụng được phần mềm trích xuất tài liệu tham khảo; kỹ thuật trình bày báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học, lưu trữ, quản lý và bảo mật an toàn dữ liệu.	
CLO 5	Tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu, thảo luận, trung thực trong thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành, lượng giá.	PLO18

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá lý thuyết:

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : MCQ (50 câu/45')

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO 1 (70%)		20% (10 câu)	40% (20 câu)	10% (5 câu)			70% (35 câu)
CLO 2 (30%)	10% (5 câu)	20% (10 câu)					30% (15 câu)
Tổng	10% (5 câu)	40% (20 câu)	40% (20 câu)	10% (5 câu)			100% (50 câu)

3.2. Lượng giá thực hành

+ Hình thức: sinh viên làm bài tập trên máy tính tại phòng thực tập

- Thời gian

+ Lượng giá thực hành: 1 tuần sau khi hoàn thành toàn bộ nội dung học phần;
thi thực hành trên máy tính 60'

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO 3 (70%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
Tổng	0	0	2	0

3.3. Lượng giá thái độ:

- Thái độ học tập nghiêm túc.
- Tham dự ít nhất 85% số tiết học lý thuyết.
- Tham dự 100% số tiết học thực hành.

3.4. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT + TH)/2$$

Học viên có điểm thực hành đạt ≥ 4 (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Học viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên	Số lượng trợ giảng Thực hành
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Bài 1: Tạo dữ liệu và thao tác với các biến 1. Tạo tệp dữ liệu 2. Các thao tác trên biến	2	2	4	CLO 1; CLO 3; CLO 5	-LT: Thuyết trình/ Thảo luận - TH: GV làm mẫu, hướng dẫn HV thực hành/ HV chuẩn bị nội dung bài TH.	1	1
2	Bài 2: Trình bày dữ liệu 1. Lập bảng tần số 2. Tính các đại lượng trong thống kê mô tả 3. Vẽ biểu đồ	2	3	5	CLO 1; CLO 3; CLO 5		1	1
3	Bài 3: Kiểm định giả thuyết thống kê 1. Kiểm định phân phối chuẩn. 2. Kiểm định có tham số 3. Kiểm định phi tham số	5	10	15	CLO 1; CLO 3; CLO 5		1	1
4	Bài 4: Tương quan và hồi quy tuyến tính 1. Tương quan tuyến tính	2	5	7	CLO 1; CLO 3; CLO 5		1	1

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên	Số lượng trợ giảng Thực hành
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	2. Hồi quy tuyến tính đơn biến 3. Hồi quy tuyến tính đa biến							
5	Bài 5: Trích xuất tài liệu tham khảo	2	5	7	CLO 2; CLO 4; CLO 5		1	1
6	Bài 6: Trình bày và báo cáo luận văn	2	5	7	CLO 2; CLO 4; CLO 5		1	1
	Tổng	15	30	45				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- 1) Bộ môn Tin học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng: *Bài giảng Tin ứng dụng*, 2012.

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Đặng Hùng Thắng: *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2020.
- 2) IIG Việt Nam, Microsoft Office Word 2013: Nội dung đào tạo tương thích kỳ thi MOS, NXB tổng hợp, 2019.
- 3) Nguyễn Văn Sơn, Khai thác thông tin và tạo lập bài giảng điện tử: Dự án Việt Nam Hà Lan, NXB Y học, 2013.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Họ và tên	Đơn vị	Email
----	-----------	--------	-------

1.	ThS. Trần Thanh Vân	BM Tin học	ttvan@hpmu.edu.vn
2.	Ths. Nguyễn Thị Chăm	BM Tin học	nthicham@hpmu.edu.vn
3.	TS. Lương Thanh Nhạn	BM Tin học	ltnhan@hpmu.edu.vn
4.	ThS. Trịnh Anh Tuấn	BM Tin học	tatuan@hpmu.edu.vn
5.	ThS. Vũ Ngọc Thanh	BM Tin học	vnthanh@hpmu.edu.vn
6.	ThS. Đoàn Văn Thành	BM Tin học	dvthanh@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

❖ Tên Module/học phần:	
Tiếng Việt:	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học
Tiếng Anh:	
❖ Mã số Module/học phần/học phần:	PPNCKH
❖ Đối tượng áp dụng:	Thạc sĩ Răng Hàm Mặt
❖ Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
❖ Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☒ Môn học chung	☐ Môn cơ sở và hỗ trợ
☐ Môn chuyên ngành	☐ Môn tự chọn
☐ Luận văn/học phần tốt nghiệp	
❖ Số tín chỉ:	02
Số tiết lý thuyết/số buổi:	15 tiết
Số tiết thực hành/số buổi:	30
Số tiết tự học:	60 tiết
❖ Điều kiện tham dự module/học phần:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc của học viên sau đại học các chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó học viên có thể thực hiện được một đề cương nghiên cứu và cũng như tiến tới báo cáo được công trình nghiên cứu khoa học, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp, lập kế hoạch nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu.

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

CLO1: Vận dụng được tiêu chí SMART, FINER và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu, thiết kế nghiên cứu phù hợp và đánh giá được cơ bản một nghiên cứu gốc.

CLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/ chỉ số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp.

CLO3: Vận dụng một số quy tắc cơ bản trong phân tích một bài báo khoa học để xác định được tài liệu trích dẫn phù hợp.

CLO4: Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp.

CLO5: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.

CLO6: Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu

CLO7: Viết được đề cương nghiên cứu khoa học cơ bản.

CLO8: Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu).

CLO9: Trình bày được một đề cương nghiên cứu.

CLO10: Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành (TH)

Hình thức:

- + Viết đề cương nghiên cứu (ĐC) (theo nhóm)
- + Thuyết trình đề cương nghiên cứu (TT) (theo nhóm)

Mỗi nhóm: 3-5 học viên

Các nhóm được chia ngay trong buổi học đầu tiên.

Nội dung nghiên cứu được xác định ngay sau bài 1, các nội dung tiếp theo của học phần được tiến hành dựa trên tên đề tài được nhóm xác định sau bài 1.

Thời gian thuyết trình: 15 phút

Điểm thực hành TH= (ĐC*2 + TT) /3

3.2 Lượng giá lý thuyết (LT)

Hình thức: Trả lời câu hỏi dựa theo đề cương được trình bày (theo cá nhân)

3.3 Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$TKHP = TH \cdot 0.5 + LT \cdot 0.5$$

Bảng Rubric lượng giá thực hành

CDR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
Thế thức (10 điểm)					
CLO7, CLO9	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đã được đưa đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày
Đặt vấn đề (1-1,5 trang) 20 điểm					
CLO1, CLO1, CLO7, CLO8	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng
	8	Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách)	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu
	3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể; không theo tiêu chí FINER.	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng theo tiêu chí FINER.
	7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ

CDR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
			không bắt đầu bằng động tự nghiên cứu	lời được câu hỏi nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	hợp lý theo tiêu chí SMART
Tổng quan tài liệu (30 điểm) (5-10 trang)					
CLO1, CLO3, CLO7, CLO8, CLO9	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo
Phương pháp nghiên cứu 50 điểm (5-10 trang)					
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
CLO7, CLO8, CLO9, CLO10	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định chính xác cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Cỡ; rõ ràng; chính xác
	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu-chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với nghiên cứu	Có; phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Biến số-Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu

CDR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
				biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	
	10	Phương pháp thu thập thông tin	Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	2	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có của nghiên cứu và cách không chế sai số
	5	Xử lý- Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
	3	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết
Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị (20 điểm)					
CLO6; CLO7,CL O9	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu
CLO7, CLO9	5	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu
Lập kế hoạch nghiên cứu (5 điểm)					
CLO7, CLO9	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được biểu đồ GANTT

CDR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
					thể hiện kế hoạch nghiên cứu
Tài liệu tham khảo (5 điểm)					
CLO8	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài liệu tham khảo	Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ	Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	Bài 1: Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu Mục tiêu: - Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu cụ thể. - Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể	2	4	4	CLO 1, CLO 1, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
2	Bài 2: Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu Mục tiêu: - Áp dụng tiêu chí FINER để đánh giá được những vấn đề cơ bản của một công trình nghiên cứu. - Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho nghiên cứu	2	4	4	CLO 1, CLO 3, CLO 7, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
	- Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo					
3	Bài 3: Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh Mục tiêu: - Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp	4	4	8	CLO 1, CLO 7, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
4	Bài 4: Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu Mục tiêu: - Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán được cỡ mẫu cần thiết cho một NC cụ thể - Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể	3	2	6	CLO 2, CLO 1, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
5	Bài 5: Thiết kế công cụ thu thập thông tin Mục tiêu: - Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số - Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế	3	3	6	CLO 2, CLO 7, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
	bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp					
6	Bài 6: Sai số và nhiễu Mục tiêu: - Vận dụng được các khái niệm sai số và nguồn của sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp - Xác định được nhiễu và đề xuất được phương pháp khống chế nhiễu trong NC	2	2	4	CLO 4, CLO 7, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
7	Bài 7: Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu Mục tiêu: - Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.	4	4	8	CLO 5, CLO 7, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
8	Bài 8: Đạo đức trong nghiên cứu Mục tiêu: - Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học - Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học	2	0	4	CLO 10	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
9	Bài 9: Trình bày kết quả nghiên cứu Mục tiêu: - Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC.	2	2	4	CLO 6, CLO 7, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
10	Bài 10: Lập kế hoạch nghiên cứu Mục tiêu: - Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể	2	1	4	CLO 7, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
11	Bài 11: Cách viết đề cương nghiên cứu Mục tiêu: - Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên cứu - Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể	4	4	8	CLO 7, CLO 8, CLO 9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Lưu Ngọc Hoạt (2017). Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Lưu Ngọc Hoạt (2017). Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thy Khuê (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản dành cho bác sĩ lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh

- Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt (2017). *Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	Phạm Thanh Hải	Khoa Răng Hàm Mặt Trung tâm GDYH-NCKH	pthai@hpmu.edu.vn
3	Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	nttthao@hpmu.edu.vn
4	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	nthanhhai@hpmu.edu.vn
5	Hoàng Đức Hạ	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh Trung tâm GDYH-NCKH	hdha@hpmu.edu.vn
6	Ngô Thị Quỳnh Mai	Khoa Dược Trung tâm GDYH-NCKH	Ntqmai@hpmu.edu.vn
7	Nguyễn Thị Thu Phương	Khoa Dược Trung tâm GDYH-NCKH	nttphuong@hpmu.edu.vn
8	Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi Trung tâm GDYH-NCKH	ddtanh@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: GIẢI PHẪU ĐẦU MẶT CỖ	
Mã học phần: GPĐMC	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng hàm mặt	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Giải Phẫu	
Email liên hệ: giaiphau@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	
Số tiết	45	15	30	45
Số buổi	16	4	8	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Giải phẫu đầu mặt cổ cung cấp cho Thạc sĩ Răng Hàm Mặt những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trên cơ thể người bình thường. Từ đó, áp dụng phát hiện các bất thường

về mặt hình thái đồng thời liên hệ về chức năng và thực hành lâm sàng thích hợp với chuyên ngành học.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR HP (CLO)	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Giải thích được các khái niệm, mục tiêu, vai trò của giải phẫu, phương pháp nghiên cứu giải phẫu	PLO4, PLO5, PLO6, PLO9, PLO11, PLO12
CLO 2	Hiểu được mối liên quan giữa hình thái với chức năng phù hợp và vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích các vấn đề trong lâm sàng.	
CLO 3	Vận dụng được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập và nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành RHM.	
CLO 4	Nhớ được danh pháp các cấu trúc giải phẫu, cơ quan vùng đầu mặt cổ	
CLO5	Xác định được các cấu trúc giải phẫu trên tiêu bản, mô hình, tranh vẽ và thi hài.	
CLO6	Tinh thần trách nhiệm: đúng giờ, chuẩn bị bài trước khi vào buổi học, làm bài tập đầy đủ.	
CLO7	Thái độ: tôn trọng, lắng nghe, giúp đỡ bạn bè và tham gia tích cực trong làm việc nhóm.	
CLO8	Chấp hành nội quy phòng thực hành.	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành

- Hình thức: Thi vấn đáp thực hành trên thi hài, tiêu bản và mô hình đáp ứng chuẩn đầu ra.

- Thời gian: Sau khi hoàn thành xong nội dung thực hành

Mục tiêu	%	Bắt chức	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sat	Dạy được người khác
CLO4: Nhớ được danh pháp các cấu trúc giải phẫu, cơ quan vùng đầu mặt cổ	45%			x	
CLO5: Xác định được các cấu trúc giải phẫu trên tiêu bản, mô hình, tranh vẽ và thi hài.	45%			x	
CLO6: Tinh thần trách nhiệm, đúng giờ, chuẩn bị bài trước khi vào buổi học, làm bài tập đầy đủ.	4%			x	
CLO7: Thái độ: tôn trọng, lắng nghe, giúp đỡ bạn bè và tham gia tích cực trong làm việc nhóm.	4%			x	
CLO8: Chấp hành nội quy phòng thực hành.	2%			x	

3.2. Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Tự luận đáp ứng chuẩn đầu ra
- Thời gian: 90phút

Chuẩn đầu ra	Tổng
CLO 1: Giải thích được các khái niệm, mục tiêu, vai trò của giải phẫu, phương pháp nghiên cứu giải phẫu	2 câu

Chuẩn đầu ra	Tổng
CLO 2: Hiểu được mối liên quan giữa hình thái với chức năng phù hợp và vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích các vấn đề trong lâm sàng.	
CLO 3: Vận dụng được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập và nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành RHM.	1 câu
Tổng	3 câu

3.3. Lượng giá chuyên cần:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ: điểm danh

3.4. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 0,1 + \text{TH} \times 0,3 + \text{KT} \times 0,6.$$

CC: lượng giá chuyên cần

TH: lượng giá thực hành

KT: lượng giá kiến thức

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Phần lý thuyết

STT	Nội dung	Số tiết		CDR học phần	Phương pháp dạy-học	SL giảng viên	SL trợ giảng
		Lý thuyết	Thực hành				
1	Xương, khớp và cân cơ vùng đầu mặt cổ.	3		CLO1; CLO 2;	Thuyết trình;	1	
2	Động mạch và tĩnh mạch vùng đầu mặt cổ	4		CLO1; CLO 2; CLO 3	Thuyết trình; Clicker	1	
3	Các dây thần kinh sọ	4		CLO1; CLO 2; CLO 3	Thuyết trình; Clicker	1	
4	Miệng – Răng - Lưỡi - Tuyến nước bọt - Tai - Mắt.	4		CLO1; CLO 2; CLO 3	Thuyết trình; Clicker	1	

4.2. Phần thực hành

Buổi	Nội dung	Số tiết	CĐR học phần	Phương pháp
1	Xương sọ mặt, khớp thái dương - hàm, cơ nhai	4	CLO 4 CLO5	Thảo luận nhóm, hướng dẫn thực hành
2	Cân cơ vùng cổ	4	CLO 4 CLO5	Thảo luận nhóm, hướng dẫn thực hành
3	ĐM cảnh - dưới đòn	4	CLO 4 CLO5	Thảo luận nhóm, hướng dẫn thực hành
4	Tĩnh mạch vùng đầu mặt cổ	4	CLO 4 CLO5	Thảo luận nhóm, hướng dẫn thực hành
5	Các dây thần kinh sọ	4	CLO 4 CLO5	Thảo luận nhóm, hướng dẫn thực hành
6	Miệng – Răng - Lưỡi - Tuyến nước bọt.	4	CLO 4 CLO5	Thảo luận nhóm, hướng dẫn thực hành
7	Mũi - Hầu - Thanh quản - Khí quản - Tuyến giáp - Tai - Mắt	4	CLO 4 CLO5	Thảo luận nhóm, hướng dẫn thực hành
8	Ôn tập	2	CLO 4 CLO5	Thảo luận nhóm, hướng dẫn thực hành

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu giảng dạy

- 1) Giải phẫu người tập 1, 3 - Trịnh Văn Minh, NXB Y học.
- 2) Giải phẫu thần kinh - Nguyễn Hữu Chinh, NXB Y học.
- 3) Tài liệu phát tay do Bộ môn biên soạn.

5.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) Giải phẫu người: Nguyễn Văn Huy, NXB Y học
- 2) Atlas Fank H. Netter

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Nguyễn Bảo Trân	Giảng viên Bộ môn Giải phẫu	nbtran@hpmu.edu.vn
2	Phạm Thành Nguyên		ptnguyen@hpmu.edu.vn
3	Trần Xuân Bách		txbach@hpmu.edu.vn
4	Lê Thị Yến		ltyen@hpmu.edu.vn
5	Trần Thị Xen		ttxen@hpmu.edu.vn
6	Lê Phi Đại		lpdai@hpmu.edu.vn

Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Hoàng Văn Tân	Bộ môn Giải phẫu	Kỹ thuật viên hỗ trợ thực hành
2	Phạm Thị Dung		
3	Lương Hồng Phương		

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất...để sinh viên thực hành/thực tập

Danh mục các trang thiết bị /mô hình sử dụng

STT	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Mô hình xương sọ		x	Cái	5	
2.	Tranh vùng đầu mặt cổ		x	Cái	2	...
3.	Tranh động mạch cảnh		x	Cái	2	...
4.	Mô hình đầu mặt cổ		x	Cái	2	
5.	Mô hình tai		x	Cái	5	
6.	Mô hình mắt		x	Cái	5	...
7.	Mô hình nửa người		x	Cái	3	...
8.	Mô hình bổ dọc miệng mũi hầu		x	Cái	5	
9.	Tiêu bản thiết đồ Flechsigt		x	Cái	1	
10.	Tiêu bản thiết đồ Charchot		x	Cái	1	
11.	Tiêu bản não		x	Cái	4	
12.	Tiêu bản thân não		x	Cái	1	
13.	Tranh tủy sống		x	Cái	2	
14.	Tranh thân não		x	Cái	4	
15.	Mô hình não		x	Cái	5	
16.	Tranh sự lưu thông dịch não tủy		x	Cái	1	
17.	Tranh não		x	Cái	4	

STT	Tên thiết bị/mô hình	Minh họa LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
18.	Mô hình đường dẫn truyền thần kinh		x	Cái	1	
19.	Tranh hệ thần kinh thực vật		x	Cái	1	

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: TAI MŨI HỌNG	
Mã học phần: TMH	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ RHM	
Loại học phần: ☐ x Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Chuyên ngành ☒ X Cơ sở ngành. ☐ Tự chọn ☐ Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Tai Mũi Họng - Trường ĐHYD Hải Phòng	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	1
Số tiết	60	15	45
Số buổi	14	5	9

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về giải phẫu Tai Mũi Họng, các triệu chứng cơ bản và một số bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng mô tả được triệu chứng của một số bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp, đưa ra chẩn đoán và hướng điều trị các bệnh Tai Mũi Họng, tư vấn, hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp. Điều trị các bệnh liên quan đến Tai Mũi Họng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý, bệnh lý các cơ bộ phận Tai Mũi Họng	PLO5, PLO10
CLO2	Mô tả được các triệu chứng chính, chẩn đoán được và lập được kế hoạch, phác đồ điều trị của một số bệnh thông thường của Tai Mũi Họng.	PLO5, PLO10
CLO3	Nhận định và xử trí ban đầu được các cấp cứu Tai Mũi Họng thường gặp.	PLO5, PLO10
CLO4	Tiên lượng được các bệnh điều trị nội khoa, phẫu thuật, giữ người bệnh điều trị tại tuyến cơ sở hay chuyển lên tuyến chuyên khoa.	PLO5, PLO10
CLO5	Điều trị cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp như viêm tai giữa, viêm mũi xoang, viêm họng thanh quản.	PLO5, PLO10

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá chuyên cần: Không nghỉ quá 20% số tiết.

3.2. Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : Không nghỉ quá 20% số tiết.
- Phương pháp : thi trắc nghiệm hoặc tự luận.
- Công cụ: 60 câu MCQ/ 50' hoặc 02 câu hỏi thi tự luận/60'.
- Chiến lược lượng giá

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ (16.67%)	Hiểu (33,33%)	Áp dụng (50%)	
CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý, bệnh lý các cơ bộ phận Tai Mũi Họng	20%	1	2	3	6

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ (16.67%)	Hiểu (33,33%)	Áp dụng (50%)	
CLO2: Mô tả được các triệu chứng chính, chẩn đoán được và lập được kế hoạch, phác đồ điều trị của một số bệnh thông thường của Tai Mũi Họng.	20%	1	2	3	6
CLO3: Nhận định và xử trí ban đầu được các cấp cứu Tai Mũi Họng thường gặp.	20%	1	2	3	6
CLO4: Tiên lượng được các bệnh điều trị nội khoa, phẫu thuật, giữ người bệnh điều trị tại tuyến cơ sở hay chuyển lên tuyến chuyên khoa.	20%	1	2	3	6
CLO5: Điều trị cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp như viêm tai giữa, viêm mũi xoang, viêm họng thanh quản.	20%	1	2	3	6
Tổng số		5	10	15	30
Công thức tính điểm: $LT=CC*0.1+LTCK*0.9$					

3.3. Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng lâm sàng:

- Phương pháp : Đánh giá bằng bảng kiểm
- Công cụ: Bảng kiểm
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

TT	Nội dung đánh giá	Tổng điểm	Tỷ lệ
1	Điểm chuyên cần: tham gia đầy đủ tất cả các buổi học lâm sàng tại bệnh viện	0.1	10%
2	Biện luận: vận dụng các kiến thức chuyên môn để lập luận đưa ra chẩn đoán và kế hoạch điều trị một cách logic	0.2	20%
3	Kỹ năng: thực hiện thành thạo các thủ thuật, phẫu thuật	0.7	70%
Công thức tính điểm: TH=CC*0.1+BL*0.2+KN*0.7			

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Tên bài giảng	Tổng Số tiết	Số tiết lý thuyết	Số tiết TH	CLO	Phương pháp dạy học
1.	Bài 1: Viêm mũi xoang cấp và mạn, viêm xoang do răng. Biến chứng của viêm mũi xoang	5	2	3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
2.	Bài 2: Chấn thương khối xương mặt nguyên tắc xử trí	5	0	5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	Dạy 1 kỹ năng
3.	Bài 3: Các khối u lành và ác tính của mũi xoang, u nhày mũi xoang	5	2	3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)

TT	Tên bài giảng	Tổng Số tiết	Số tiết lý thuyết	Số tiết TH	CLO	Phương pháp dạy học
4.	Bài 4: Viêm họng, viêm A, VA các chỉ định nạo VA và cắt Amidan	7	2	5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
5.	Bài 5: Bệnh học tuyến nước bọt	7	3	4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
6.	Bài 6: Dị vật đường ăn. Dị vật đường thở và biến chứng	8	0	8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Dạy 1 kỹ năng
7.	Bài 7: Viêm tai giữa cấp, mạn. Biến chứng liệt mặt do tai	8	3	5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
8.	Bài 8: Ung thư hạ họng, ung thư thanh quản, ung thư vòm mũi họng	8	3	5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
9.	Bài 9: Chấn thương thanh quản kín và hở, chảy máu mũi, nguyên tắc xử trí	7	0	7	CLO1, CLO2, CLO3,	Dạy 1 kỹ năng

TT	Tên bài giảng	Tổng Số tiết	Số tiết lý thuyết	Số tiết TH	CLO	Phương pháp dạy học
					CLO4	
Tổng số		60	15	45		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1) Bài giảng Tai Mũi Họng, Bộ môn Tai Mũi Họng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2) Bệnh học Tai Mũi Họng, Ngô Ngọc Liễn, NXB Y học 2016.

5.2. Tài liệu tham khảo

1) <https://bestpractice.bmj.com/>

2) <https://www.uptodate.com/>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

1) PGS.TS Vũ Văn Sản - Trưởng bộ môn Tai Mũi Họng- Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng.

2) ThS. Tạ Hùng Sơn - Phó trưởng bộ môn Tai Mũi Họng- Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy lý thuyết

- Giảng đường, phấn, bảng
- Máy tính, máy chiếu Projector
- Hệ thống elearning.

7.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy thực hành

- Máy tính
- Khoa TMH - Bệnh viện Đa khoa quốc tế.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

Phụ trách Đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: NHA KHOA CƠ SỞ	
Mã học phần: NKCS	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng hàm mặt	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành. ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn nha khoa cơ sở và Xquang Răng - Khoa Răng Hàm Mặt Email liên hệ: khoarhm@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết
Tín chỉ	2	2
Số tiết	30	30
Số buổi	6	6

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về môn cấy khớp. Nội dung cũng cập nhật được các kỹ thuật, quan điểm mới trong điều trị cấy khớp. Nội dung học phần cung cấp cho học viên kiến thức, kỹ năng để thực hiện các kỹ thuật điều trị các tình trạng, bệnh lý trong cấy khớp.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR	Mô tả CDR của module/học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Giải thích cơ chế bệnh sinh loạn năng khớp thái dương hàm.	PLO5, PLO6
CLO 2	Phân tích được nguyên lý mài chỉnh khớp cắn trong thực hành nha khoa.	PLO5, PLO6

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi tự luận
- Công cụ: Barem điểm
- Điều kiện đạt : 7/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1: Giải thích cơ chế bệnh sinh loạn năng khớp thái dương hàm.	50%	0	0	15	15
CLO2: Phân tích được nguyên lý mài chỉnh khớp cắn trong thực hành nha khoa.	50%	0	0	15	15
Tổng số	100%	0	0	30	30

3.2. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, thảo luận nhóm
- Điều kiện :

- Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
- Tham gia thảo luận nhóm

Điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm tổng kết học phần (TKHP)} = \text{LGCC} \times 0,1 + \text{LGKT} \times 0,9$$

Điều kiện đạt: điểm TKHP $\geq 5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

ST T	Tên bài giảng	Tổng Số tiết	Số tiết lý thuyết	Số tiết TH	CLO	Phương pháp dạy học
1	Bài 1: Khái niệm về khớp cắn	7	7	0	CLO1,	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
2	Bài 2: Điều chỉnh khớp cắn	7	7	0	CLO2,	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
3	Bài 3: Chức năng và rối loạn chức năng khớp cắn	8	8	5	CLO1, CLO2	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
4	Bài 4: Động học xương hàm dưới	8	8	5	CLO1, CLO2	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
Tổng số		30	30	10		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1) Hoàng Tử Hùng, Cẩn khớp học, Nhà xuất bản Y học, 2000.

2) Viện đào tạo Răng Hàm Mặt, trường Đại học Y Hà Nội, Nha khoa cơ sở tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013

5.2. Tài liệu tham khảo

Trần Ngọc Quảng Phi, Cẩn khớp lâm sàng và rối loạn hệ thống nhai, Nhà xuất bản Y học, 2020.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

1) PGS.TS. Nguyễn Văn Khải – Hiệu trưởng, giám đốc bệnh viện trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2) TS. GVC. Phạm Thanh Hải – Trưởng khoa Răng Hàm Mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

3) ThS.BSCK II Đoàn Trung Hiếu – Phó trưởng bộ môn Nha khoa cơ sở & Xquang răng - khoa Răng Hàm Mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

4) ThS.BSCK II Nguyễn Đức Tín, bộ môn Nha khoa cơ sở & Xquang răng - khoa Răng Hàm Mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy lý thuyết

Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách Đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: NỘI NHA - NHA CHU - PHỤC HÌNH	
Mã học phần: CCCN1	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ RHM	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Chuyên ngành ☐ Cơ sở ngành. ☐ Tự chọn ☐ Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Răng Hàm Mặt - Tầng 11 nhà B - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng
Tín chỉ	9	3	6
Số tiết	315	45	270
Số buổi	63	9	54

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Sau khi học xong môn Nội nha-Nha chu-Phục hình, người học có khả năng sử dụng những kỹ thuật hiện đại để điều trị bệnh lý trong lĩnh vực chữa răng, điều trị nội nha, nha chu và phục hình. Người học có khả năng chẩn đoán và lựa chọn phương pháp can thiệp tối thiểu để phục hồi răng bị tổn thương bẩm sinh hoặc

bệnh lý. Điều trị được những trường hợp nội nha phức tạp và những tổn thương có liên quan đến nha chu và phục hình tái tạo thân răng đảm bảo chức năng và thẩm mỹ. Người học có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Chữa răng và Nội nha, Nha chu và Phục hình.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	PLO
CLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào phục hình hàm khung, cầu chụp sứ toàn phần.	PLO5, PLO6, PLO7.
CLO2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp trong nha chu.	PLO5, PLO6, PLO7.
CLO3	Vận dụng được các kiến thức về các loại vật liệu trong nội nha hiện đại để ứng dụng trong điều trị nội nha, chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị một số trường hợp nội nha thất bại.	PLO5, PLO6, PLO7.
CLO4	Thực hiện thành thạo được thiết kế hàm khung theo phân loại mất răng Kennedy 1,2 và cầu chụp sứ toàn phần.	PLO10, PLO11
CLO5	Thực hiện thành thạo được chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp trong nha chu.	PLO10, PLO11

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	PLO
CLO6	Sử dụng thành thạo các vật liệu nội nha hiện đại trong điều trị nội nha. Thực hiện thành thạo điều trị nội nha lại.	PLO10, PLO11
CLO7	Thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong tư vấn giải pháp điều trị nội nha, nha chu, phục hình. Tuân thủ nội quy ngành trong thực hành lâm sàng	PLO16, PLO17
CLO8	Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp	PLO19

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi tự luận
- Công cụ: Barem điểm
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

CĐR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào phục hình hàm khung, cầu chụp sứ toàn phần.	33%	0	0	15	15
CLO2: Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào	33%	0	0	15	15

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp trong nha chu.					
CLO3: Vận dụng được các kiến thức về các loại vật liệu trong nội nha hiện đại để ứng dụng trong điều trị nội nha, chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị một số trường hợp nội nha thất bại.	34%	0	0	15	15
Tổng số	100%	0	0	45	45

3.2. Lượng giá thực hành

- Phương pháp : thi trên trường hợp cụ thể
- Công cụ : Bảng kiểm
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

Mục tiêu	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO4: Thực hiện thành thạo được thiết kế hàm khung theo phân loại mất răng Kennedy 1,2 và cầu chụp sứ toàn phần, điều trị nội nha lại.	30%			x	
CLO5: Thực hiện thành thạo được chẩn đoán và	30%			x	

Mục tiêu	%	Bắt chước	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
điều trị một số bệnh thường gặp trong nha chu.					
CLO6: Sử dụng thành thạo các vật liệu nội nha hiện đại trong điều trị nội nha. Thực hiện thành thạo điều trị nội nha lại.	30%			x	
CLO7:Thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong tư vấn giải pháp điều trị nội nha, nha chu, phục hình. Tuân thủ nội quy ngành trong thực hành lâm sàng	5%			x	
CLO8: Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp	5%			x	

3.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Hoạt động của người học :
 - Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập
 - Tham gia thảo luận nhóm

- Làm Pretest

3.4. Điểm tổng kết học phần:

$$LT \times 0,5 + CC \times 0,1 + LS \times 0,4$$

Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
1.	Bài 1: Nội nha hiện đại: vật liệu trang thiết bị, kỹ thuật 1. Ứng dụng thành thạo các ưu nhược điểm của vật liệu, dụng cụ tạo hình hiện đại để điều trị nội nha	35	5	30	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8	Thuyết trình, ráp hình, hướng dẫn thực hành sử dụng bảng kiểm
2.	Bài 2: Các thất bại trong điều trị nội nha 1. Phân tích được các yếu tố dẫn tới thất bại trong điều trị nội nha. 2. Chẩn đoán và tiên lượng chính xác các ca lâm sàng điều trị nội nha thất bại	35	5	30	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8	Thảo luận nhóm nhỏ, hướng dẫn thực hành sử dụng bảng kiểm
3.	Bài 3: Điều trị nội nha lại 1. Chẩn đoán và điều trị thành thạo các ca bệnh điều trị nội nha thất bại	35	5	30	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8	Thuyết trình, ráp hình, hướng dẫn thực hành sử dụng bảng kiểm
4.	Bài 4: Viêm lợi mạn tính, viêm lợi cấp tính	35	5	30	CLO2, CLO5, CLO7, CLO8	Phân tích tình huống của ca bệnh. Lựa chọn vật liệu và dụng

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
	1. Phân tích được các yếu tố nguy cơ của viêm lợi mạn tính, viêm lợi cấp tính 2. Chẩn đoán chính xác viêm lợi mạn tính, viêm lợi cấp tính. 3. Thực hiện thành thạo điều trị viêm lợi mạn tính, viêm lợi cấp tính					cụ để đạt hiệu quả nhất
5	Bài 5: Viêm quanh răng tiến triển chậm 1. Phân tích được các yếu tố nguy cơ của viêm quanh răng tiến triển chậm 2. Chẩn đoán chính xác viêm quanh răng tiến triển chậm. 3. Thực hiện thành thạo điều trị viêm quanh răng chậm	30	5	30	CLO2, CLO5, CLO7, CLO8	Báo cáo ca bệnh, thi tay nghề bằng bảng kiểm
6	Bài 6: Viêm quanh răng tiến triển nhanh 1. Phân tích được các yếu tố nguy cơ của viêm quanh răng tiến triển nhanh 2. Chẩn đoán chính xác viêm quanh răng tiến triển nhanh. 3. Thực hiện thành thạo điều trị viêm quanh răng nhanh	30	5	30	CLO2, CLO5, CLO7, CLO8	Thực hành trên mô hình. Thảo luận nhóm. Phân tích tình huống ca bệnh cụ thể.
7	Bài 7: Thiết kế hàm khung theo phân loại mất răng Kennedy 1,2	30	5	30	CLO1, CLO4,	Thực hành trên mô hình.

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
	1. Thiết kế được hàm khung theo phân loại mất răng Kennedy 1,2. 2. Thực hành thành thạo kỹ thuật mài ổ tựa trên răng thật.				CLO7, CLO8	Thảo luận nhóm. Phân tích tình huống ca bệnh cụ thể.
8.	Bài 8: Cầu chụp sứ toàn phần 1. Thực hành thành thạo kỹ thuật mài chụp răng sứ toàn phần 2. Thực hành thành thạo kỹ thuật mài cầu răng sứ toàn phần	30	5	30	CLO1, CLO4, CLO7, CLO8	Thực hành trên mô hình. Thảo luận nhóm. Phân tích tình huống ca bệnh cụ thể.
9	Bài 9: Phục hình toàn bộ 1. Thiết kế thành thạo một phục hình răng toàn bộ trên mô hình. 2. Thực hành thành thạo các bước làm phục hình toàn bộ trên bệnh nhân.	30	5	30	CLO1, CLO4, CLO7, CLO8	Thực hành trên mô hình. Thảo luận nhóm. Phân tích tình huống ca bệnh cụ thể.
Tổng số		315	45	270		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- 1) Tài liệu handout của bộ môn
- 2) Sâu răng và các biến chứng: sách dùng cho sinh viên chuyên khoa và học viên sau đại học. Nhà xuất bản giáo dục
- 3) Chữa răng nội nha (dùng cho đào tạo sau đại học). Trịnh Thị Thái Hà. 2020.

- 4) Lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị nội nha răng hàm lớn thứ nhất hàm trên: sách chuyên khảo. Phạm Thị Thu Hiền. Nhà xuất bản Y học (2017).
- 5) Nội nha: giáo trình giảng dạy đại học. Phạm Văn Khoa (2020). Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh.
- 6) Nha chu học. Nguyễn Thị Bích Vân. Nhà xuất bản Y học (2015).
- 7) Phẫu thuật tạo hình nha chu. Trần Giao Hòa. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (2018).
- 8) Bệnh học quanh răng. Trịnh Đình Hải. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (2013)
- 9) Lâm sàng bệnh quanh răng và implant nha khoa. Lê Long Nghĩa. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (2020)
- 10) Phục hình răng tháo lắp bán phần. BSKII Trần Thiên Lộc(2006). Nhà xuất bản Y học.
- 11) Thực hành phục hình răng tháo lắp toàn hàm. BSKII Trần Thiên Lộc(2008). Nhà xuất bản Y học.
- 12) Cẩn khớp học. GS. TS Hoàng Tử Hùng (2005). Nhà xuất bản Y học.
- 13) Giải phẫu Răng. Hoàng Tử Hùng (2000). NXB Y học chi nhánh TP HCM
- 14) Phục hình răng tháo lắp. TS. Tống Minh Sơn (2015). Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
- 15) Phục hình răng cố định. TS. Tống Minh Sơn (2015). Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- 1) TS. Trần Thị An Huy - Phó khoa Răng hàm mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

- 2) TS. Nguyễn Thị Thu Hà - Khoa răng hàm mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
- 3) PGS. TS. Phạm Thị Thu Hiền- Giảng Viên Khoa RHM - Đại Học Quốc Gia Hà Nội
- 4) PGS. TS. Trịnh Thị Thái Hà- Trưởng bộ môn nội nha- Viện đào tạo Răng Hàm Mặt đại học Y Hà Nội
- 5) BS CK II Nguyễn Thị Phương Anh- Trưởng bộ môn Phục hình và kỹ thuật phục hình răng - Khoa Răng Hàm Mặt - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- 6) TS Phạm Thị Thu Hằng- Viện nghiên cứu khoa học lâm sàng 108
- 7) TS. Đồng Thị Mai Hương - Phó trưởng bộ môn nha chu và phẫu thuật miệng - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
- 8) TS. Phạm Thanh Hải – Phó khoa răng hàm mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- **Giảng lý thuyết:** Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti

- **Thực hành:**

+ Nội nha: Ghế máy, hệ thống trám bít ống tủy EQV, X- mart, dam cao su, Các loại mũi khoan, các file máy hiện đại để tạo hình ống tủy, bộ bơm rửa rung siêu âm, các dung dịch bơm rửa, bộ dụng cụ lấy file gãy, các vật liệu trám bít ống tủy thông thường và vật liệu sinh học, các loại chất hàn phục hồi.

+ Nha chu: Bộ dụng cụ khám, máy siêu âm, bộ cây nạo Gracey, bộ dụng cụ phẫu thuật nha chu, hàm lợn

+ Phục hình: mũi khoan phục hình các loại, thìa lấy dấu, chất lấy dấu alginate, silicol lỏng đặc, súng lấp silicol lỏng, bảng so màu vita 3D, bảng so màu cùi vivadent, thạch cao vàng, bay và bát đánh chất lấy dấu, composite làm răng tạm, càng cắn, sáp lá, chất gắn veneer vivadent, chỉ co nướu, cây đặt chỉ co nướu, giấy cắn.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách Đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phẫu thuật trong miệng- Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	
Mã học phần: CCCN2	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng hàm mặt	
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành. ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa Răng Hàm Mặt – tầng 11 nhà B – Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng
Tín chỉ	9	3	6
Số tiết	315	45	270
Số buổi	63	9	54

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1 Mô tả chung

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt. Kiến thức chuyên sâu về các tình trạng, bệnh lý miệng và hàm mặt bao gồm: Phẫu thuật trong miệng và các tiểu phẫu trong miệng, chấn thương hàm mặt, u và nang vùng hàm mặt, đau dây V... Nội dung cũng cập nhật được các kỹ thuật, quan điểm mới trong điều trị miệng – hàm

mặt. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức, kỹ năng để thực hiện các kỹ thuật điều trị tốt các tình trạng, bệnh lý thường gặp trong miệng – hàm mặt.

2.2 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	PLO
CLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào nhổ răng không sang chấn, nhổ răng khôn lệch ngầm, phẫu thuật cắt cuống.	PLO4, PLO6
CLO2	Thực hiện được nhổ răng không sang chấn, nhổ răng khôn lệch ngầm, phẫu thuật cắt cuống.	PLO9, PLO10
CLO3	Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào phẫu thuật hàm mặt và điều trị bệnh lý miệng.	PLO4, PLO6
CLO4	Điều trị được các bệnh lý miệng- hàm mặt thông thường: u và nang lành tính, viêm nhiễm vùng hàm mặt, đau thần kinh V. Thực hiện các kỹ thuật: khâu phục hồi các vết thương phần mềm, điều trị chỉnh hình được các tổn thương gãy xương hàm trên và xương hàm dưới không di lệch	PLO9, PLO10
CLO5	Thể hiện tính chuyên nghiệp và trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu, tư vấn giải pháp về phẫu thuật trong miệng	PLO15, PLO16, PLO17

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi tự luận, báo cáo chuyên đề
- Công cụ: Barem điểm
- Điều kiện : qua bộ môn > 5/10 điểm, một đầu điểm lý thuyết.

- Chiến lược lượng giá

CDR	Tỷ lệ%	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào nhổ răng không sang chấn, nhổ răng khôn lệch ngầm, phẫu thuật cắt cuống.	50%			22	22
CLO3: Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào phẫu thuật hàm mặt và điều trị bệnh lý miệng.	50%			23	23
Tổng số	100%			45	45

3.2 Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng:

- Phương pháp : Thi trên bệnh nhân cụ thể
- Công cụ : Bảng kiểm
- Điều kiện đạt :5/10 điểm, một đầu điểm lâm sàng.
- Chiến lược lượng giá

Mục tiêu	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO2: Thực hiện được nhổ răng không sang chấn, nhổ răng khôn lệch ngầm, phẫu thuật cắt cuống.	50%	x	x		
CLO4: Điều trị được các bệnh lý miệng- hàm mặt thông thường: u và	50%	x	x		

Mục tiêu	%	Bắt chước	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
nang lành tính, viêm nhiễm vùng hàm mặt, đau thần kinh V. Thực hiện các kỹ thuật: khâu phục hồi các vết thương phần mềm, điều trị chỉnh hình được các tổn					

3.3 Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Hoạt động của người học :
 - Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập
 - Tham gia thảo luận nhóm
 - Làm Pretest

3.4. Điểm tổng kết học phần:

$$LT \times 0,5 + CC \times 0.1 + LS \times 0.4$$

Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
1	Bài 1: Nhổ răng không sang chấn - Mục tiêu 1: Tiên lượng nhổ răng không sang chấn - Mục tiêu 2: Chỉ định chống chỉ định nhổ răng không sang chấn - Mục tiêu 3: Phương pháp và quy trình nhổ răng không sang chấn	51	6	45	CLO2	Thuyết trình; hoạt động nhóm; Dạy một kỹ năng
2	Bài 2: Phẫu thuật nhổ răng 8 lệch ngầm - Mục tiêu 1: Tiên lượng phẫu thuật nhổ răng 8 lệch ngầm. - Mục tiêu 2: Chỉ định, chống chỉ định phẫu thuật nhổ răng 8 lệch ngầm - Mục tiêu 3: Phương pháp và quy trình phẫu thuật nhổ răng 8 lệch ngầm	55	10	45	CLO1 , CLO2	Thuyết trình; hoạt động nhóm; Dạy một kỹ năng
3	Bài 3: Phẫu thuật cắt cuống và hàn ngược - Mục tiêu 1: Chỉ định, chống chỉ định Phẫu thuật cắt cuống và hàn ngược.	51	6	45	CLO1 , CLO2	Thuyết trình; hoạt động nhóm; Dạy một kỹ năng

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
	- Mục tiêu 2: Phương pháp và quy trình Phẫu thuật cắt cuống và hàn ngược.					
4	Bài 4: Chấn thương phần mềm và phần xương vùng hàm mặt	55	10	45	CLO3 , CLO4	Giảng ca bệnh, hướng dẫn lâm sàng
5	Bài 5: Viêm nhiễm – áp xe vùng hàm mặt	52	7	45	CLO3 , CLO4	Giảng ca bệnh, hướng dẫn lâm sàng
6	Bài 6: Dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt	51	6	45	CLO3 , CLO4	Giảng ca bệnh, hướng dẫn lâm sàng
	Tổng	315	45	270		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1 Tài liệu học tập

- 1) Các tài liệu handout của bộ môn
- 2) Nguyễn Phú Thắng, Phẫu thuật miệng, Nhà xuất bản Y học, 2017.
- 3) Giáo trình Phẫu thuật trong miệng do BM Nha chu và Tiểu Phẫu thuật trong miệng Khoa Răng hàm mặt, trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.
- 4) Lê Văn Sơn, Bệnh lý và phẫu thuật hàm mặt tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013.
- 5) Lê Văn Sơn, Bệnh lý và phẫu thuật hàm mặt tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013.
- 6) Giáo trình Phẫu thuật Hàm mặt và bệnh lý miệng do BM Phẫu thuật hàm mặt Khoa Răng hàm mặt, trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

5.2 Tài liệu tham khảo

- 1) Trịnh Đình Hải, Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp trong Răng Hàm Mặt, 2017.
- 2) Shan. R Baker, Local Flaps in Facial Reconstructio, Mosby, Philadelphia, 2007.
- 3) Viện đào tạo RHM Đại học Y Hà Nội, Kỹ thuật nhổ răng và phẫu thuật trong miệng, Nhà xuất bản Y học 2011.
- 4) Phẫu thuật trong miệng 1, Nhà xuất bản Y học 2007 , Khoa RHM Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh
- 5) Phẫu thuật trong miệng 2, Nhà xuất bản Y học 2007 , Khoa RHM Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh
- 6) Ghép xương và Implant từ lý thuyết đến lâm sàng, Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2015.
- 7) Kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh răng hàm mặt, NXB Y học 2015, GS.TS. Trịnh Đình Hải Bệnh viện RHM Trung Ương Hà Nội.
- 8) GS.TS. Trịnh Đình Hải, Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp trong Răng Hàm Mặt, NXB Y học 2017 Bệnh viện RHM Trung Ương Hà Nội.
- 9) Trần Văn Trường, Khối u vùng hàm mặt, NXB Y học 2008.
- 10) , Phạm Hoàng Tuấn, Đặc điểm Lâm sàng, cận lâm sàng trong chẩn đoán và điều trị u tuyến đa hình tuyến mang tai, NXB Y học, 2017.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- 1) TS. GVC. Phạm Thanh Hải - Phó khoa Răng hàm mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
- 2) PGS.TS. Lê Ngọc Tuyền- Trưởng Khoa Răng Hàm Mặt- Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội.
- 3) TS. GVC. Đồng Thị Mai Hương – Trưởng bộ môn Nha chu- Phẫu thuật trong miệng – Trường Đại học y dược Hải Phòng
- 4) ThS.BsCK II. Nguyễn Minh Tuấn - Trưởng bộ môn Phẫu thuật hàm mặt và Bệnh học miệng – Khoa Hàm Mặt- Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

5) BSCK II. Nguyễn Thái Hoà – Trưởng khoa RHM bệnh viện Hữu nghị Việt

Tiệp Hải Phòng

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

7.1. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy lý thuyết

- Giảng đường, phần, bảng
- Máy tính, máy chiếu Projector
- Hệ thống elearning

7.2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy thực hành

- Máy tính
- Phòng tiền lâm sàng,
- Khoa RHM bệnh viện trường đại học Y Hải phòng, Trường Đại học y dược Hải Phòng, Bệnh viện Việt Tiệp

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Khu tiền lâm sàng của Trường	Ghế răng, bộ dụng cụ khám, tiểu phẫu, bộ dụng cụ phẫu thuật hàm mặt cơ bản, hàm lợn, bộ chỉ thép, vít neo chặn, nẹp vít hàm mặt.	15	- Phẫu thuật chấn thương xương hàm trên, hàm dưới - Phẫu thuật điều trị viêm nhiễm hàm mặt - Phẫu thuật tạo hình cơ bản - Phẫu thuật nhổ răng không sang chấn, nhổ răng khôn lệch ngầm, phẫu thuật cắt cuống.
2	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	Phòng tiểu phẫu, phòng mổ trung phẫu, đại phẫu, buồng bệnh nội trú, bộ dụng cụ khám, tiểu phẫu,	8	- Phẫu thuật chấn thương xương hàm trên, hàm dưới

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
		bộ dụng cụ phẫu thuật hàm mặt		- Phẫu thuật điều trị viêm nhiễm hàm mặt - Phẫu thuật tạo hình cơ bản - Phẫu thuật nhổ răng không sang chân, nhổ răng khôn lệch ngầm, phẫu thuật cắt cuống.
3	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Khoa Răng hàm mặt	Phòng tiểu phẫu, phòng mổ trung phẫu, đại phẫu, buồng bệnh nội trú, bộ dụng cụ khám, tiểu phẫu, bộ dụng cụ phẫu thuật hàm mặt	10	- Phẫu thuật chấn thương xương hàm trên, hàm dưới - Phẫu thuật điều trị viêm nhiễm hàm mặt - Phẫu thuật tạo hình hàm mặt cơ bản

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chỉnh hình răng mặt	
Mã học phần: CCCN3	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng Hàm Mặt	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Chuyên ngành nâng cao	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành. ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Bộ môn phụ trách: Bộ môn Nha khoa dự phòng và phát triển – Khoa Răng Hàm Mặt. Email: vqhung@hpmu.edu.vn. SĐT: 0914259666	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng
Số tín chỉ	9	3	6
Số tiết	315	45	270
Số buổi	63	9	54

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Răng trẻ em – Nha khoa cộng đồng – Chỉnh hình răng mặt được giảng dạy cho đối tượng học viên Cao học chuyên ngành Răng Hàm Mặt, sau khi học viên đã hoàn thiện xong hầu hết các môn học thuộc khối chuyên ngành Răng Hàm Mặt. Học phần này hướng đến mục tiêu phòng ngừa, kiểm soát các bệnh răng miệng – hàm mặt và thúc đẩy sức khỏe răng miệng thông qua các nỗ lực của cộng đồng xã hội, có liên quan với việc giáo dục nha khoa của cộng đồng, với nghiên cứu áp dụng nha khoa, với chính quyền và các chương trình chăm sóc răng miệng cũng như công tác phòng chống và kiểm soát các bệnh lý liên quan đến răng miệng, dự phòng lệch khớp cắn, phòng ngừa các thói quen xấu về răng miệng đặc biệt là trẻ em, cách đánh giá toàn diện bệnh nhân thông qua khám lâm sàng, phân tích phim, phân tích mẫu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị chính xác các bệnh lý răng miệng ở trẻ em.	PLO4, PLO6
CLO2	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị chính xác các bệnh lý răng miệng ở trẻ em đặc biệt.	PLO4, PLO6
CLO3	Phân tích được quá trình tăng trưởng sọ mặt và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển sọ mặt.	PLO6
CLO4	Phân tích được các nguyên tắc cơ sinh học, neo chặn và ứng dụng trong điều trị chỉnh hình răng mặt.	PLO4, PLO6

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO5	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị chính xác cho bệnh nhân chỉnh hình răng mặt.	PLO4, PLO6
CLO6	Phân tích chính xác mẫu hàm và phim sọ nghiêng của bệnh nhân chỉnh hình răng mặt.	PLO4, PLO6
CLO7	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị chính xác các thói quen xấu ở trẻ em.	PLO4, PLO6, PLO12
CLO8	Lập kế hoạch được chương trình tuyên truyền dự phòng bệnh răng miệng trong cộng đồng	PLO4, PLO12
CLO9	Lập kế hoạch và phân tích được chương trình điều tra sức khỏe răng miệng cộng đồng.	PLO4, PLO5, PLO7, PLO12
CLO10	Thiết kế được chương trình nha học đường tại cộng đồng	PLO4, PLO12
CLO11	Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật điều trị các bệnh răng miệng thường gặp ở trẻ em	PLO4, PLO9
CLO12	Thể hiện tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong tư vấn, điều trị răng trẻ em, chỉnh hình răng mặt và nha khoa dự phòng.	PLO15, PLO16, PLO17

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi tự luận

- Công cụ: Barem điểm
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá:

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị chính xác các bệnh lý răng miệng ở trẻ em.	17,8%	0	0	8	8
CLO2. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị chính xác các bệnh lý răng miệng ở trẻ em đặc biệt.	17,8%	0	0	8	8
CLO3. Phân tích được quá trình tăng trưởng sọ mặt và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển sọ mặt.	11%	0	0	5	5
CLO4. Phân tích được các nguyên tắc cơ sinh học, neo chặn và ứng dụng trong điều trị chỉnh hình răng mặt.	17,8%	0	0	8	8
CLO5. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị	17,8%	0	0	8	8

CĐR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
chính xác cho bệnh nhân chỉnh hình răng mặt.					
CLO7. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị chính xác các thói quen xấu ở trẻ em.	17,8%	0	0	8	8
Tổng số	100%	0	0	45	45

3.2. Lượng giá thực hành

- Phương pháp : thi trên trường hợp cụ thể
- Công cụ : Bảng kiểm
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá:

Mục tiêu	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO6. Phân tích chính xác mẫu hàm và phim sọ nghiêng của bệnh nhân chỉnh hình răng mặt.	20%			X	

Mục tiêu	%	Bắt chức	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO8. Lập kế hoạch được chương trình tuyên truyền dự phòng bệnh răng miệng trong cộng đồng	20%			X	
CLO9. Lập kế hoạch và phân tích được chương trình điều tra sức khỏe răng miệng cộng đồng.	20%			X	
CLO10. Thiết kế được chương trình nha học đường tại cộng đồng	20%			X	
CLO11. Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật điều trị tuỷ răng vĩnh viễn chưa đóng chóp ở trẻ em	20%			X	

3.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Hoạt động của người học :
 - Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập
 - Tham gia thảo luận nhóm
 - Làm Pretest

3.4. Điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm tổng kết học phần} = \text{LT} \times 0,5 + \text{CC} \times 0,1 + \text{LS} \times 0,4$$

Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
1	Bài 1: Thói quen xấu ảnh hưởng tới sự phát triển răng miệng ở trẻ em 1. Phát hiện được các thói quen xấu ảnh hưởng đến răng miệng ở trẻ em. 2. Thực hiện lập kế hoạch và điều trị chính xác cho từng trường hợp cụ thể.	35	5	30	CLO7	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
2	Bài 2: Điều trị tuỷ răng sữa chưa đóng chóp 1. Mô tả được chỉ định, chống chỉ định và quy trình kỹ thuật sinh chóp răng. 2. Mô tả được chỉ định, chống chỉ định và quy trình kỹ thuật đóng chóp răng. 3. Thực hiện chẩn đoán và điều trị thành thạo răng vĩnh viễn chưa đóng chóp ở trẻ em.	35	5	30	CLO1, CLO11	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
3	Bài 3: Điều trị các bệnh răng miệng ở trẻ em đặc biệt 1. Giải thích được những khó khăn khi chăm sóc răng miệng ở các trẻ em đặc biệt. 2. Mô tả được tình trạng bệnh lý răng miệng ở các trẻ em đặc biệt. 3. Thực hiện lập kế hoạch và điều trị được các bệnh răng miệng ở các trẻ em đặc biệt.	35	5	30	CLO2, CLO11	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
4	Bài 4: Chương trình nha học đường 1. Nêu rõ các yếu tố để một chương trình nha học đường hiệu quả. 2. Trình bày được tầm quan trọng của nhà trường trong chương trình nha học đường. 3. Trình bày được các chương trình dự phòng dựa trên nhà trường. 4. Thực hiện thiết kế một chương trình nha học đường.	35	5	30	CLO10	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
5	Bài 5: Dự phòng bệnh răng miệng tại cộng đồng 1. Mô tả các biện pháp dự phòng sâu răng. 2. Mô tả các biện pháp dự phòng bệnh quanh răng. 3. Mô tả các biện pháp dự phòng chấn thương răng. 4. Mô tả các biện pháp dự phòng sai khớp cắn. 5. Lập kế hoạch được chương trình tuyên truyền dự phòng bệnh răng miệng trong cộng đồng	35	5	30	CLO8	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
6	Bài 6: Phương pháp nghiên cứu sức khoẻ răng miệng 1. Mô tả được các bước tiến hành xây dựng dự án nghiên cứu điều tra sức khoẻ răng miệng tại cộng đồng 2. Mô tả các bước tiến hành chuẩn bị một cuộc điều tra sức khoẻ răng miệng tại cộng đồng. 3. Thực hiện được việc lập kế hoạch, phân tích và viết báo cáo cuộc điều tra sức khoẻ răng miệng tại cộng đồng.	35	5	30	CLO9	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
7	Bài 7: Sự tăng trưởng và phát triển của hệ thống sọ mặt. 1. Phân tích được sự tăng trưởng của xương hàm trên theo 3 chiều không gian. 2. Phân tích được sự tăng trưởng của xương hàm dưới theo 3 chiều không gian. 3. Phân tích tương quan giữa sự xoay của hai xương hàm và hướng mọc răng. 4. Giải thích được ý nghĩa quan trọng của đỉnh cao tăng trưởng vị thành niên trong việc xác định thời điểm bắt đầu điều trị chỉnh hình.	21	3	18	CLO3	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
8	Bài 8: Cơ sinh học trong chỉnh hình răng mặt 1. Mô tả các lực, tâm cản, moment, ngẫu lực và tâm xoay trong chỉnh hình răng mặt. 2. Mô tả các tính chất của dây dùng trong chỉnh hình răng mặt. 3. Phân tích được các đáp ứng của mô nha chu đối với lực chỉnh hình răng mặt.	35	5	30	CLO4	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
9	Bài 9: Chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị cho bệnh nhân chỉnh hình răng mặt 1. Mô tả được các bước khám bệnh nhân chỉnh hình răng mặt. 2. Mô tả được các phần của hồ sơ chỉnh hình răng mặt. 3. Phân tích thành thạo mẫu hàm và phim sọ nghiêng của bệnh nhân chỉnh hình răng mặt. 4. Thực hiện Chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị đúng cho bệnh nhân CHRM.	14	2	12	CLO5	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
10	Bài 10: Phân tích mẫu hàm và phim sọ nghiêng trong chỉnh hình răng mặt. 1. Nêu rõ các công dụng của mẫu hàm và phim sọ nghiêng trong chỉnh hình răng mặt. 2. Giải thích được các ý nghĩa của phim sọ nghiêng trong chỉnh hình răng mặt. 3. Mô tả được các mặt phẳng tham chiếu và các điểm chuẩn trên phim sọ nghiêng. 4. Mô tả các bước phân tích mẫu hàm và phim sọ nghiêng trong chỉnh hình răng mặt.	35	5	30	CLO6	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	5. Phân tích chính xác mẫu hàm và phim sọ nghiêng của bệnh nhân chỉnh hình răng mặt.					
Tổng số tiết		315	45	270		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Tài liệu phát tay Bộ môn Nha khoa dự phòng và phát triển, Khoa Răng Hàm Mặt (2018).

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Trường Đại học Y Hà Nội, Nha khoa Cộng Đồng, NXB Y học, 2015.
- 2) Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Nha khoa Cộng đồng, NXB Y học, 2012.
- 3) Trung tâm Giải pháp Y khoa Mesi, An toàn nghề nghiệp trong thực hành Nha khoa, NXB Y học, 2018.
- 4) Trường Đại học Y Hà Nội, Chỉnh hình răng mặt, NXB Giáo dục Việt Nam (2013)
- 5) Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉnh hình răng mặt, NXB Y học (2004)
- 6) Contemporary Orthodontics (6th), William R. Proffit, Mosby (2018).
- 7) The Biomechanical Foundation of Clinical Orthodontic, Charles J. Burstone, Quintessence (2015).
- 8) Orthodontic: Current principles and techniques (6th), W.Grabner, Mosby (2016).
- 9) Trường Đại học Y Hà Nội, *Răng trẻ em*, NXB Y học, 2013.

- 10) Trường Đại học Y Hà Nội, *Nha khoa trẻ em*, NXB Y học, 2001
- 11) Goran Koch, Sven Poulsen, *Pediatric Dentistry – A Clinical Approach*, Wiley-Blackwell

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Thị Hồng Thùy	Khoa Răng Hàm Mặt	pththuy@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Văn Khải	Hiệu trưởng Đại học Y Dược Hải Phòng	
3	Phạm Như Hải	Khoa Răng Hàm Mặt	
4	Nguyễn Xuân Thực	Khoa Răng Hàm Mặt – Bệnh viện Bạch Mai	
5	Võ Thị Thúy Hồng	Khoa nắn chỉnh răng – Bệnh viện RHM TW	
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Khoa Răng Hàm Mặt	nttha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu Projector, máy tính
- Phòng thực hành Tiền lâm sàng.
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập

Vật tư tiêu hao

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh họa LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức HV/nhóm
1	Bộ khay khám cơ bản	x		Bộ	2	4

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức HV/nhóm
2	Kìm omega	x		Cái	2	4
3	Kìm cắt tại chỗ	x		Cái	2	4
4	Kìm cắt xa	x		Cái	2	4
5	Kìm đi dây	x		Cái	2	4
6	Kìm 442	x		Cái	2	4
7	Kìm Tweed	x		Cái	2	4
8	Cây ấn dây cung	x	x	Cái	2	4
9	Kìm chỉnh torque	x		Cái	2	4
10	Kìm mắc chun	x	x	Cái	2	4
11	Kìm tháo mắc cài	x	x	Cái	2	4
12	Kìm tháo khâu	x		Cái	2	4
13	Chỉ thép 0.5	x	x	Cuộn	1	4
14	Chỉ thép 0.3	x	x	Cuộn	1	4
15	Kìm đặt chun tách khe	x		Cái	2	4
16	Kìm de la rosa	x		Cái	2	4
17	Giấy vẽ phim	x	x	Hộp	4	4
18	Mắc cài	x	x	Hộp	2	4
19	Kẹp gấp mắc cài	x	x	Cái	2	4
20	Thước đo mắc cài	x	x	Cái	2	4

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Mình hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức HV/nhóm
21	Thước đo lực chỉnh nha	x	x	Cái	2	4
22	Etching	x	x	Lọ	1	4
23	Bond (keo dán nha khoa)	x	x	Lọ	1	4
24	Bộ keo gắn mắc cài	x	x	Tuýp	2	4
25	Vernifluor	x		Lọ	1	4
26	Gelfluor	x		Lọ	1	4
27	Sealant trám bít hố rãnh	x	x	Bộ	1	4
28	Fuji 9	x	x	Lọ	1	4
29	Fuji 7	x	x	Lọ	1	4
30	Xi măng IRM	x		Lọ	1	4
31	Composite lỏng	x	x	Tuýp	1	4
32	Etching	x	x	Lọ	1	4
33	Bond (keo dán nha khoa)	x	x	Lọ	5	4
34	Mũi khoan	x	x	Vỉ	5	4
35	Mũi đánh bóng (Enhance)	x	x	Mũi	2	4
36	Chổi cước	x	x	Chiếc	2	4

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức HV/nhóm
37	Dung dịch phát hiện mảng bám	x	x	Lọ	5	4
38	Đầu lấy cao răng siêu âm	x	x	Chiếc	1	4
39	Nong tủy K-Files các kích cỡ (15-40)	x	x	Vỉ	1	4
40	Rũa tủy H-Files các kích cỡ (15-40)	x	x	Vỉ	1	4
41	Trâm gai	x	x	Vỉ	1	4
42	Dung dịch Eugenol	x	x	Lọ	1	4
43	Bột kẽm oxit	x	x	Lọ	1	4
44	Bond (keo dán nha khoa)	x	x	Lọ	1	4

Danh mục các trang thiết bị /mô hình sử dụng

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng
1	Bài 1 (TH). Thói quen xấu ảnh hưởng tới sự phát triển răng miệng ở trẻ em	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm
2	Bài 2 (TH). Bệnh sâu răng ở trẻ em	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm
		Mô hình hàm răng sữa trong giáo dục nha khoa			Bộ	2 bộ/1 nhóm
3	Bài 3 (TH). Thuốc và vật liệu mới dùng trong điều trị răng trẻ em	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm
		Mô hình hàm răng sữa trong giáo dục nha khoa			Bộ	2 bộ/1 nhóm

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng
4	Bài 4 (TH). Chương trình nha học đường	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm
5	Bài 5 (TH). Các biện pháp dự phòng bệnh răng miệng	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm
6	Bài 8 (TH). Phân tích phim sọ nghiêng trong chỉnh hình răng mặt	Mẫu phim Cephalometri c		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm
		Bộ thước đo, bút dạ			Bộ	2 bộ/1 nhóm
7	Bài 8 (TH). Chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị cho bệnh nhân chỉnh hình răng mặt	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm
		Mô hình khớp cắn lệch lạc theo Angle			Bộ	2 bộ/1 nhóm

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng
		Bộ thước đo, bảng xác định tính đối xứng			Bộ	2 bộ/1 nhóm
8	Bài 9 (TH). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển sọ mặt	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm
		Mô hình lệch lạc khớp cắn theo Angle			Bộ	2 bộ/1 nhóm

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: NỘI NHA - NHA CHU - PHỤC HÌNH	
Mã học phần: CCTC1	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng Hàm Mặt	
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành. ☒ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa Răng Hàm Mặt - Tầng 11 nhà B - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng
Tín chỉ	12	3	9
Số tiết	450	45	405
Số buổi	90	9	81

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Nội nha, Nha chu, Phục hình. Nội dung cũng cung cấp cho học viên về phương pháp làm chuyên đề: lựa chọn chủ đề, viết báo cáo chuyên đề, cách trình bày báo cáo chuyên đề, cũng như phương pháp để cập nhật được các vật liệu và kỹ thuật hiện đại sử dụng trong nội nha, nha chu, phục hình.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR	Mô tả CĐR của module/học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích tổng hợp được kiến thức chuyên sâu trong điều trị và nghiên cứu các kỹ thuật trám bít ống tủy, chẩn đoán chính xác nội tiêu - ngoại tiêu	PLO7, PLO8
CLO 2	Phân tích tổng hợp được kiến thức chuyên sâu trong điều trị và nghiên cứu về điều trị nha chu phẫu thuật, làm dài thân răng. Chẩn đoán được bệnh lý nha chu có liên quan tới tủy răng	PLO7, PLO8
CLO 3	Phân tích tổng hợp được kiến thức chuyên sâu trong điều trị và nghiên cứu các vấn đề phục hình tháo lắp, cố định	PLO7, PLO8
CLO 4	Thực hiện thành thạo kỹ thuật trám bít ống tủy, chẩn đoán chính xác nội tiêu - ngoại tiêu	PLO10, PLO11
CLO5	Thực hiện thành thạo kỹ thuật phục hình tháo lắp, phục hình cố định	PLO10, PLO11
CLO6	Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều trị nha chu phẫu thuật, làm dài thân răng. Chẩn đoán được bệnh lý nha chu có liên quan tới tủy răng	PLO10, PLO11
CLO7	Trình bày được báo cáo chuyên đề	PLO15
CLO8	Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp	PLO19

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá lý thuyết

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : Viết chuyên đề, thuyết trình theo nhóm
- Mỗi nhóm: 5-6 sinh viên.
- Các nhóm được chia ngay trong buổi học đầu tiên.
- Nội dung nghiên cứu được xác định ngay sau bài 1; các nội dung tiếp theo của học phần được tiến hành dựa trên tên đề tài được nhóm xác định sau bài 1.
- Thời gian: 20 phút (10 phút trình bày+10 phút Q&A)
- Công cụ: Rubric
- Điều kiện : > 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
Thể thức (10 điểm)					
CLO7	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày
Đặt vấn đề (1-1,5 trang) 20 điểm					
CLO1, CLO2, CLO3, CLO7	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng
	8	Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách)	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu
	3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể; không	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
				theo tiêu chí FINER.	theo tiêu chí FINER.
	7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không không bắt đầu bằng động tự nghiên cứu	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ hợp lý theo tiêu chí SMART
Tổng quan tài liệu (30 điểm) (5-10 trang)					
CLO1, CLO2, CLO3, CLO7	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
			hợp hoặc tổng hợp.	giả thuyết được mô tả.	và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo
Phương pháp nghiên cứu 50 điểm (5-10 trang)					
CLO1, CLO2, CLO3, CLO7	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định chính xác cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Cỡ; rõ ràng; chính xác
	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu-chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với nghiên cứu	Có; phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Biến số-Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu
	10	Phương pháp thu thập thông tin	Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
	2	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có của nghiên cứu và cách không chế sai số
	5	Xử lý- Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
	3	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết
Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị (20 điểm)					
CLO1, CLO2, CLO3, CLO7	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
			quả nghiên cứu theo mục tiêu	theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp	hợp với mục tiêu
	5	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu
Lập kế hoạch nghiên cứu (5 điểm)					
CLO1, CLO2, CLO3, CLO7	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được biểu đồ GANTT thể hiện kế hoạch nghiên cứu
Tài liệu tham khảo (5 điểm)					
CLO1, CLO2,	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài	Có danh mục tài liệu tham khảo	Có danh mục đầy đủ tài liệu

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
CLO3, CLO7			liệu tham khảo	nhưng chưa đầy đủ	tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu

3.2. Lượng giá thực hành:

- Phương pháp : thi trên bệnh nhân
- Công cụ : Bảng kiểm
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

Mục tiêu	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO4: Thực hiện thành thạo kỹ thuật trám bít ống tủy, chẩn đoán chính xác nội tiêu - ngoại tiêu	30%			x	
CLO5: Thực hiện thành thạo kỹ thuật phục hình tháo lắp, phục hình cố định	30%			x	
CLO6: Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều trị nha chu phẫu thuật, làm dài thân răng. Chẩn đoán chính	30%			x	

Mục tiêu	%	Bắt chước	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
xác bệnh lý nha chu có liên quan tới tủy răng					
CLO8: Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp	10%			x	

3.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Hoạt động của người học :
 - Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập
 - Tham gia thảo luận nhóm
 - Làm Pretest

3.4. Điểm tổng kết học phần:

$$LT \times 0,5 + CC \times 0,1 + LS \times 0,4$$

Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq$ 5/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
1.	Bài 1: Chủ đề, mục tiêu chuyên đề và các bước tiến hành chuyên đề 1. Phân tích được các bước tiến hành một chuyên đề 2. Trình bày được một chuyên đề	12	3	9	CLO7	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
2.	Bài 2: Tổng quan về liên quan giữa nội nha và nha chu 1. Phân tích tổng hợp các kiến thức về liên quan giữa nội nha và nha chu 2. Thực hiện thành thạo chẩn đoán bệnh lý nha chu có liên quan tới tủy răng	48	4	44	CLO2, CLO6, CLO8	DH Trực tiếp, Thuyết trình, Động não, Thảo luận, Ráp hình
3.	Bài 3: Tổng quan về điều trị nha chu phẫu thuật 1. Phân tích tổng hợp các kiến thức về điều trị nha chu phẫu thuật 2. Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều trị nha chu phẫu thuật	49	5	44	CLO2, CLO6, CLO8	DH Trực tiếp, Thuyết trình, Động não, Thảo luận, Ráp hình

4.	Bài 4: Tổng quan về phẫu thuật làm dài thân răng 1. Phân tích tổng hợp các kiến thức về phẫu thuật làm dài thân răng 2. Thực hiện thành thạo kỹ thuật phẫu thuật làm dài thân răng	49	5	44	CLO2, CLO6, CLO8	DH Trực tiếp, Thuyết trình, Động não, Thảo luận, Ráp hình
5.	Bài 5: Tổng quan về các phương pháp phục hình cố định 1. Phân tích tổng hợp các kiến thức về các phương pháp phục hình cố định 2. Thực hiện thành thạo kỹ thuật phục hình cố định	73	7	66	CLO3, CLO5, CLO8	DH Trực tiếp, Thuyết trình, Động não, Thảo luận, Ráp hình
6.	Bài 6: Tổng quan về các phương pháp phục hình tháo lắp 1. Phân tích tổng hợp các kiến thức về các phương pháp phục hình tháo lắp 2. Thực hiện thành thạo kỹ thuật phục hình tháo lắp	73	7	66	CLO3, CLO5, CLO8	DH Trực tiếp, Thuyết trình, Động não, Thảo luận, Ráp hình
7.	Bài 7: Tổng quan về các phương pháp trám bít ống tủy hiện đại 1. Phân tích tổng hợp các kiến thức về các phương pháp trám bít ống tủy hiện đại 2. Thực hiện thành thạo kỹ thuật trám bít ống tủy hiện đại	73	7	66	CLO1, CLO4, CLO8	DH Trực tiếp, Thuyết trình, Động não, Thảo luận, Ráp hình

8.	Bài 8: Nội tiêu - Ngoại tiêu 1. Phân tích tổng hợp các kiến thức về các nội tiêu - ngoại tiêu 2. Chẩn đoán chính xác nội tiêu - ngoại tiêu	73	7	66	CLO1, CLO4, CLO8	DH Trực tiếp, Thuyết trình, Động não, Thảo luận, Ráp hình
Tổng số		450	45	405		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- 1) Tài liệu handout của bộ môn
- 2) Sâu răng và các biến chứng: sách dùng cho sinh viên chuyên khoa và học viên sau đại học. Nhà xuất bản giáo dục
- 3) Chữa răng nội nha (dùng cho đào tạo sau đại học). Trịnh Thị Thái Hà. 2020.
- 4) Lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị nội nha răng hàm lớn thứ nhất hàm trên: sách chuyên khảo. Phạm Thị Thu Hiền. Nhà xuất bản Y học (2017).
- 5) Nội nha: giáo trình giảng dạy đại học. Phạm Văn Khoa (2020). Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh.
- 6) Nha chu học. Nguyễn Thị Bích Vân. Nhà xuất bản Y học (2015).
- 7) Phẫu thuật tạo hình nha chu. Trần Giao Hòa. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (2018).
- 8) Bệnh học quanh răng. Trịnh Đình Hải. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (2013)
- 9) Lâm sàng bệnh quanh răng và implant nha khoa. Lê Long Nghĩa. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (2020)

10) Phục hình răng tháo lắp bán phần. BSKII Trần Thiên Lộc(2006). Nhà xuất bản Y học.

11) Thực hành phục hình răng tháo lắp toàn hàm. BSKII Trần Thiên Lộc(2008). Nhà xuất bản Y học.

12) Cẩn khớp học. GS. TS Hoàng Tử Hùng (2005). Nhà xuất bản Y học.

13) Giải phẫu Răng. Hoàng Tử Hùng (2000). NXB Y học chi nhánh TP HCM

14) Phục hình răng tháo lắp. TS. Tống Minh Sơn (2015). Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

15) Phục hình răng cố định. TS. Tống Minh Sơn (2015). Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

1) TS. Trần Thị An Huy - Phó khoa Răng hàm mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

2) TS. Nguyễn Thị Thu Hà - Khoa răng hàm mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

3) PGS. TS. Phạm Thị Thu Hiền- Giảng Viên Khoa RHM - Đại Học Quốc Gia Hà Nội

4) PGS. TS. Trịnh Thị Thái Hà- Trưởng bộ môn nội nha- Viện đào tạo Răng Hàm Mặt đại học Y Hà Nội

5) BS CK II Nguyễn Thị Phương Anh- Trưởng bộ môn Phục hình và kỹ thuật phục hình răng - Khoa Răng Hàm Mặt - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

6) TS Phạm Thị Thu Hằng- Viện nghiên cứu khoa học lâm sàng 108

7) TS. Đồng Thị Mai Hương - Phó trưởng bộ môn nha chu và phẫu thuật miệng - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

8) TS. Phạm Thanh Hải – Phó khoa răng hàm mặt - Trường Đại Học Y Dược
Hải Phòng

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- **Giảng lý thuyết:** Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti

- **Thực hành:**

+ Nội nha: Ghế máy, hệ thống trám bít ống tủy, X- mart, đăm cao su, Các loại mũi khoan, các file máy hiện đại để tạo hình ống tủy, bộ bơm rửa rung siêu âm, các dung dịch bơm rửa, bộ dụng cụ lấy file gãy, các vật liệu trám bít ống tủy thông thường và vật liệu sinh học, các loại chất hàn phục hồi.

+ Nha chu: Bộ dụng cụ khám, máy siêu âm, bộ cây nạo Gracey, bộ dụng cụ phẫu thuật nha chu, hàm lợn

+ Phục hình: mũi khoan phục hình các loại, thìa lấy dấu, chất lấy dấu alginate, silicol lỏng đặc, súng lấp silicol lỏng, bảng so màu vita 3D, bảng so màu cùi vivadent, thạch cao vàng, bay và bát đánh chất lấy dấu, composite làm răng tạm, càn cấn, sáp lá, chất gắn veneer vivadent, chỉ co nướu, cây đặt chỉ co nướu, giấy cấn.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách Đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	
Mã học phần: CCTC2	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng Hàm Mặt	
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành. ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa Răng Hàm Mặt – tầng 11 nhà B – Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng
Tín chỉ	9	3	9
Số tiết	450	45	405
Số buổi	90	9	81

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1 Mô tả chung

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt. Kiến thức chuyên sâu về các tình trạng, bệnh lý miệng và hàm mặt bao gồm: Phẫu thuật trong miệng và các tiểu phẫu trong miệng, chấn thương hàm mặt, u và nang vùng hàm mặt, đau dây V... Nội dung cũng cập nhật được các kỹ thuật, quan điểm mới trong điều trị miệng – hàm

mặt. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức, kỹ năng để thực hiện các kỹ thuật điều trị tốt các tình trạng, bệnh lý thường gặp trong miệng – hàm mặt.

2.2 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	PLO
CLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào phẫu thuật hỗ trợ phục hình, cấy lại răng cùng ổ.	PLO4, PLO6
CLO2	Thực hiện được phẫu thuật hỗ trợ phục hình, cấy lại răng cùng ổ.	PLO9, PL10
CLO3	Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào phẫu thuật chấn thương, viêm nhiễm, u lành và nang hàm mặt, tổng hợp được chuyên đề.	PLO4, PLO6
CLO4	Điều trị được các bệnh lý miệng- hàm mặt thông thường: u và nang lành tính, viêm nhiễm vùng hàm mặt, đau thần kinh V. Báo cáo được chuyên đề.	PLO9, PL10
CLO5	Thể hiện tính chuyên nghiệp và trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu, tư vấn giải pháp về phẫu thuật trong miệng	PLO15, PLO16, PLO17

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi tự luận hoặc viết chuyên đề
- Công cụ: Barem điểm hoặc bảng kiểm
- Điều kiện : qua bộ môn > 5/10 điểm, một đầu điểm lý thuyết.
- Chiến lược lượng giá

CDR	Tỷ lệ%	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ (20%)	Hiểu (30%)	Áp dụng (50%)	
CLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào phẫu thuật hỗ trợ phục hình, cấy lại răng cùng ổ.	50%			22	22
CLO3: Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành ứng dụng vào phẫu thuật chấn thương, viêm nhiễm, u lành và nang hàm mặt, tổng hợp được chuyên đề.	50%			23	23
Tổng số	100%			45	45

3.2 Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng:

- Phương pháp : Thi trên bệnh nhân
- Công cụ : Bảng kiểm
- Điều kiện đạt :5/10 điểm, một đầu điểm lâm sàng.
- Chiến lược lượng giá

Mục tiêu	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO2: Thực hiện được nhổ răng không sang chấn, nhổ răng khôn lệch ngầm, phẫu thuật cắt cuống.	50%	x	x		

Mục tiêu	%	Bắt chức	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO4: Điều trị được các bệnh lý miệng- hàm mặt thông thường: u và nang lành tính, viêm nhiễm vùng hàm mặt, đau thần kinh V. Báo cáo được chuyên đề.	50%	x	x		

3.3 Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Hoạt động của người học :
 - Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập
 - Tham gia thảo luận nhóm
 - Làm Pretest

Điểm tổng kết học phần:

$$LT \times 0,5 + CC \times 0,1 + LS \times 0,4$$

Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
1	Bài 1: Phẫu thuật hỗ trợ phục hình -Mục tiêu 1: Tiên lượng Phẫu thuật hỗ trợ phục hình. - Mục tiêu2: Chỉ định chống chỉ định Phẫu thuật hỗ trợ phục hình. - Mục tiêu3: Phương pháp và quy trình Phẫu thuật hỗ trợ phục hình.	113	11	102	CLO2	Thuyết trình; hoạt động nhóm; Dạy một kỹ năng
2	Bài 2: Phẫu thuật cấy lại răng cùng ổ - Mục tiêu 1: Tiên lượng Phẫu thuật cấy lại răng cùng ổ. - Mục tiêu 2: Chỉ định chống chỉ định Phẫu thuật cấy lại răng cùng ổ. - Mục tiêu 3: Phương pháp và quy trình Phẫu thuật cấy lại răng cùng ổ.	110	10	100	CLO1, CLO2	Thuyết trình; hoạt động nhóm; Dạy một kỹ năng
3	Bài 3: U và nang xương hàm do răng và không do răng	115	12	103	CLO3, CLO4	Thuyết trình; hoạt động nhóm; Dạy một kỹ năng
4	Bài 4: Đau dây thần kinh V	112	12	100	CLO3, CLO4	Thuyết trình; hoạt động

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
						nhóm; Dạy một kỹ năng
		450	45	405		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1 Tài liệu học tập

1) Các tài liệu handout của bộ môn

- 1) Nguyễn Phú Thắng, Phẫu thuật miệng, Nhà xuất bản Y học, 2017.
- 2) Giáo trình Phẫu thuật trong miệng do BM Nha chu và Tiểu Phẫu thuật trong miệng Khoa Răng hàm mặt, trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.
- 3) Lê Văn Sơn, Bệnh lý và phẫu thuật hàm mặt tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013.
- 4) Giáo trình Phẫu thuật Hàm mặt và bệnh lý miệng do BM Phẫu thuật hàm mặt Khoa Răng hàm mặt, trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Trịnh Đình Hải (2017) , Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp trong Răng Hàm Mặt
- 2) Shan. R Baker (2007), Local Flaps in Facial Reconstructio, Mosby, Philadelphia.
- 3) Viện đào tạo Răng Hàm Mặt Đại học Y Hà Nội, Kỹ thuật nhổ răng và phẫu thuật trong miệng, Nhà xuất bản Y học 201.
- 4) Khoa Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, Phẫu thuật trong miệng 1, Nhà xuất bản Y học 2007.
- 5) Khoa Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, Phẫu thuật trong miệng 2.
- 6) Ghép xương và Implant từ lý thuyết đến lâm sàng – Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh 2015.

- 7) GS.TS. Trịnh Đình Hải Bệnh viện RHM Trung Ương Hà Nội Kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh răng hàm mặt, NXB Y học 2015.
- 8) GS.TS. Trịnh Đình Hải Bệnh viện RHM Trung Ương Hà Nội Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp trong Răng Hàm Mặt, NXB Y học 2017.
- 9) Trần Văn Trường, Khối u vùng hàm mặt, NXB Y học 2008.
- 10) Phạm Hoàng Tuấn, Đặc điểm Lâm sàng, cận lâm sàng trong chẩn đoán và điều trị u tuyến đa hình tuyến mang tai, NXB Y học 2017.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- 1) TS. GVC. Phạm Thanh Hải - Phó khoa Răng hàm mặt - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
- 2) PGS.TS. Lê Ngọc Tuyền- Trưởng Khoa Răng Hàm Mặt- Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội.
- 3) TS. GVC. Đồng Thị Mai Hương – Trưởng bộ môn Nha chu- Phẫu thuật trong miệng – Trường Đại học y dược Hải Phòng
- 4) ThS.BsCK II. Nguyễn Minh Tuấn - Trưởng bộ môn Phẫu thuật hàm mặt và Bệnh học miệng Khoa Hàm Mặt- Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng
- 5) BSCK II. Nguyễn Thái Hoà – Trưởng khoa RHM bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy lý thuyết

- Giảng đường, phấn, bảng
- Máy tính, máy chiếu Projector
- Hệ thống elearning

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy thực hành

- Máy tính
- Phòng tiền lâm sàng,
- Khoa RHM Bệnh viện Đại học Y Hải phòng, BV Hữu Nghị Việt - Tiệp

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Khu tiên lâm sàng của Trường	Ghế răng, bộ dụng cụ khám, tiểu phẫu, bộ dụng cụ phẫu thuật hàm mặt cơ bản, hàm lợn, bộ chỉ thép, vít neo chặn, nẹp vít hàm mặt.	15	- Phẫu thuật chấn thương xương hàm trên, hàm dưới - Phẫu thuật điều trị viêm nhiễm hàm mặt - Phẫu thuật tạo hình cơ bản - phẫu thuật hỗ trợ phục hình, cấy lại răng cùng ổ
2	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	Phòng tiểu phẫu, phòng mổ trung phẫu, đại phẫu, buồng bệnh nội trú, bộ dụng cụ khám, tiểu phẫu, bộ dụng cụ phẫu thuật hàm mặt	8	- Phẫu thuật chấn thương xương hàm trên, hàm dưới - Phẫu thuật điều trị viêm nhiễm hàm mặt - Phẫu thuật tạo hình cơ bản - phẫu thuật hỗ trợ phục hình, cấy lại răng cùng ổ
3	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Khoa Răng hàm mặt	Phòng tiểu phẫu, phòng mổ trung phẫu, đại phẫu, buồng bệnh nội trú, bộ dụng cụ khám, tiểu phẫu, bộ dụng cụ phẫu thuật hàm mặt	10	- Phẫu thuật chấn thương xương hàm trên, hàm dưới - Phẫu thuật điều trị viêm nhiễm hàm mặt - Phẫu thuật tạo hình hàm mặt cơ bản

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chỉnh hình răng mặt	
Mã học phần: CCTC3	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Răng Hàm Mặt	
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành. ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Bộ môn phụ trách: Nha khoa dự phòng và phát triển – Khoa Răng Hàm Mặt. Email: vqhung@hpmu.edu.vn SĐT: 0914259666.	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng
Số tín chỉ	12	3	9
Số tiết	450	45	405
Số buổi	90	9	81

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Răng trẻ em – Nha khoa cộng đồng – chỉnh hình răng mặt được giảng dạy cho đối tượng học viên cao học chuyên ngành Răng Hàm Mặt, sau khi học viên đã hoàn thiện xong hầu hết các môn học thuộc khối chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

Học phần này hướng đến mục tiêu phòng ngừa, kiểm soát các bệnh răng miệng – hàm mặt và thúc đẩy sức khỏe răng miệng thông qua các nỗ lực của cộng đồng xã hội, có liên quan với việc giáo dục nha khoa của cộng đồng, với nghiên cứu áp dụng nha khoa, với chính quyền và các chương trình chăm sóc răng miệng cũng như công tác phòng chống và kiểm soát các bệnh lý liên quan đến răng miệng, dự phòng lệch lạc khớp cắn, phòng ngừa các thói quen xấu về răng miệng đặc biệt là trẻ em, cách đánh giá toàn diện bệnh nhân thông qua khám lâm sàng, phân tích phim, phân tích mẫu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và xử trí phanx môi, phanx lưỡi bám bất thường ở trẻ em.	PLO4, PLO6
CLO2	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và xử trí chấn thương răng ở trẻ em.	PLO4, PLO6
CLO3	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong dự phòng một số bệnh răng miệng đặc biệt ở cộng đồng.	PLO4, PLO6
CLO4	Phân biệt được các khí cụ trong điều trị chỉnh hình răng mặt.	PLO6
CLO5	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và điều trị chỉnh hình răng mọc ngầm.	PLO4, PLO6
CLO6	Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và điều trị tái phát trong chỉnh hình răng mặt.	PLO4, PLO6

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO7	Thực hiện thành thạo thiết kế hàm giữ khoảng cố định ở răng sữa.	PLO4, PLO9, PLO12
CLO8	Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật sử dụng phục hình răng sữa	PLO9
CLO9	Thực hiện thành thạo kỹ thuật cắt phanh môi, phanh lưỡi bám bất thường ở trẻ em.	PLO4, PLO9, PLO12
CLO10	Thực hiện thành thạo cố định răng khi có chấn thương răng ở trẻ em.	PLO4, PLO9, PLO12
CLO11	Thực hiện thành thạo tính và áp dụng các chỉ số sức khỏe răng miệng để đánh giá tình trạng bệnh răng miệng của cá nhân, cộng đồng.	PLO9, PLO11
CLO12	Lập kế hoạch điều trị chính xác cho từng trường hợp răng mọc ngầm.	PLO4, PLO9
CLO13	Thực hiện được khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tái phát sau điều trị chỉnh hình răng mặt.	PLO4, PLO9, PLO12
CLO14	Thể hiện tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong tư vấn, điều trị răng trẻ em, chỉnh hình răng mặt và nha khoa dự phòng.	PLO15, PLO16, PLO17

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi tự luận
- Công cụ: Barem điểm
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm

- Chiến lược lượng giá:

CDR	Trọng số (%)	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ	Hiểu	Áp dụng	
CLO1. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và xử trí phanh môi, phanh lưỡi bẩm bất thường ở trẻ em.	20%	0	0	9	9
CLO2. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và xử trí chấn thương răng ở trẻ em.	20%	0	0	9	9
CLO3. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong dự phòng một số bệnh răng miệng đặc biệt ở cộng đồng..	20%	0	0	9	9
CLO5. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và điều trị chỉnh hình răng mọc ngầm	20%	0	0	9	9
CLO6. Vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán và điều trị tái phát trong chỉnh hình răng mặt..	20%	0	0	9	9
Tổng số	100%	0	0	45	45

3.2. Lượng giá thực hành

- Phương pháp : thi trên trường hợp cụ thể
- Công cụ : Bảng kiểm
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm

○ Chiến lược lượng giá

Mục tiêu	%	Bắt chước	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO4. Phân biệt được các khí cụ trong điều trị chỉnh hình răng mặt.	12,5			X	
CLO7. Thực hiện thành thạo thiết kế hàm giữ khoảng cố định ở răng sữa.	12,5			X	
CLO8: Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật sử dụng phục hình răng sữa.	12,5			X	
CLO9: Thực hiện thành thạo kỹ thuật cắt phanh môi, phanh lưỡi bám bắt thường ở trẻ em.	12,5			X	
CLO10: Thực hiện thành thạo cố định răng khi có chấn thương răng ở trẻ em.	12,5			X	

Mục tiêu	%	Bắt chức	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO11: Thực hiện thành thạo tính và áp dụng các chỉ số sức khỏe răng miệng để đánh giá tình trạng bệnh răng miệng của cá nhân, cộng đồng.	12,5			X	
CLO12: Lập kế hoạch điều trị chính xác cho từng trường hợp răng mọc ngầm.	12,5			X	
CLO13: Thực hiện được khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tái phát sau điều trị chỉnh hình răng mặt.	12,5			X	

3.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Hoạt động của người học :
 - Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập
 - Tham gia thảo luận nhóm

- Làm Pretest

3.4. Điểm tổng kết học phần:

$$LT \times 0,5 + CC \times 0.1 + LS \times 0.4$$

Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
1	Bài 1: Giữ khoảng và phục hình trong răng trẻ em 1. Phân tích được các yếu tố cần cân nhắc khi làm hàm giữ khoảng. 2. Phân biệt các loại hàm giữ khoảng về ưu điểm, nhược điểm và chỉ định. 3. Mô tả các loại phục hình răng sữa. 4. Thực hiện thành thạo khám, chỉ định và thực hiện hàm giữ khoảng cố định ở răng sữa. 5. Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật sử dụng phục hình răng sữa .	60	6	54	CLO7, CLO8	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
2	Bài 2: Xử trí phanh môi, phanh lưỡi bám bất thường ở trẻ em 1. Phân tích được các ảnh hưởng của phanh môi, phanh lưỡi bám bất thường đến răng và cung răng.	80	8	72	CLO1, CLO9	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	2. Mô tả các phương pháp điều trị phanh môi, phanh lưỡi bám bất thường. 3. Thực hiện thành thạo khám, chẩn đoán và điều trị phanh môi, phanh lưỡi bám bất thường ở trẻ em.					video, thảo luận
3	Bài 3: Xử trí chấn thương răng trẻ em. 1. Phân biệt được các loại chấn thương răng ở trẻ em. 2. Nêu rõ các nguyên tắc và phác đồ điều trị chấn thương răng ở trẻ em. 3. Phân tích các di chứng của chấn thương răng trên răng sữa và răng vĩnh viễn. 4. Thực hiện thành thạo cố định răng khi có chấn thương răng ở trẻ em.	50	5	45	CLO2, CLO10	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
4	Bài 4: Các chỉ số đo lường sức khỏe răng miệng 1. Trình bày được các loại chỉ số sức khỏe răng miệng. 2. Phân tích ý nghĩa của các chỉ số đối với mô hình bệnh nhân răng miệng của cá nhân và cộng đồng.	40	4	36	CLO11	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	3. Thực hiện thành thạo tính và áp dụng các chỉ số sức khỏe răng miệng để đánh giá tình trạng bệnh răng miệng của cá nhân, cộng đồng.					
5	Bài 5: Dự phòng ung thư miệng ở cộng đồng 1. Phân tích được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ của ung thư miệng. 2. Mô tả các biện pháp dự phòng và kiểm soát ung thư miệng. 3. Mô tả quy trình sàng lọc ung thư miệng ở cộng đồng.	40	4	36	CLO3	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
6	Bài 6: Khí cụ trong điều trị chỉnh hình răng mặt 1. Nhận biết được các khí cụ tháo lắp dùng trong chỉnh hình răng mặt. 2. Nhận biết được các khí cụ cố định trong chỉnh hình răng mặt. 3. Giải thích được cơ chế tác động của các khí cụ chỉnh hình tháo lắp. 4. Mô tả các thành phần của khí cụ EDGE hiện nay.	80	8	72	CLO4	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	5. Phân biệt được các loại mắc cài thường dùng hiện nay. 6. Phân biệt các loại dây cung và các loại chun thường dùng trong chỉnh hình răng mặt hiện nay.					
7	Bài 7: Chỉnh hình can thiệp răng mọc ngầm 1. Nêu rõ các nguyên tắc trong điều trị răng mọc ngầm. 2. Chẩn đoán chính xác trường hợp răng mọc ngầm. 3. Lập kế hoạch điều trị chính xác cho từng trường hợp răng mọc ngầm.	50	5	45	CLO5, CLO12	Thuyết giảng bằng Powerpoint, chiếu video, thảo luận
8	Bài 8: Tái phát trong chỉnh hình răng mặt 1. Phân tích các nguyên nhân chủ yếu gây tái phát trong chỉnh hình răng mặt. 2. Mô tả các phương pháp tránh tái phát trong điều trị chỉnh hình răng mặt.	50	5	45	CLO6, CLO13	

TT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết LS	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	3. Phân tích các yếu tố quan trọng chống tái phát trong chỉnh hình răng mặt. 4. Thực hiện được khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tái phát sau điều trị chỉnh hình răng mặt.					
Tổng số tiết		450	45	405		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- 1) Tài liệu phát tay Bộ môn Nha khoa dự phòng và phát triển, Khoa Răng Hàm Mặt (2018).

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Trường Đại học Y Hà Nội, Nha khoa Cộng Đồng, NXB Y học, 2015.
- 2) Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Nha khoa Cộng đồng, NXB Y học, 2012.
- 3) Trung tâm Giải pháp Y khoa Mesi, An toàn nghề nghiệp trong thực hành Nha khoa, NXB Y học, 2018.
- 4) Trường Đại học Y Hà Nội, Chỉnh hình răng mặt, NXB Giáo dục Việt Nam (2013)

- 5) Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉnh hình răng mặt, NXB Y học (2004)
- 6) Contemporary Orthodontics (6th), William R. Proffit, Mosby (2018).
- 7) The Biomechanical Foundation of Clinical Orthodontic, Charles J. Burstone, Quintessence (2015).
- 8) Orthodontic: Current principles and techniques (6th), W.Grabner, Mosby (2016).
- 9) Trường Đại học Y Hà Nội, *Răng trẻ em*, NXB Y học, 2013.
- 10) Trường Đại học Y Hà Nội, *Nha khoa trẻ em*, NXB Y học, 2001.
- 11) Goran Koch, Sven Poulsen, *Pediatric Dentistry – A Clinical Approach*, Wiley-Blackwell

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Thị Hồng Thùy	Khoa Răng Hàm Mặt	pththuy@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Văn Khải	Hiệu trưởng Đại học Y Dược Hải Phòng	
3	Phạm Như Hải	Khoa Răng Hàm Mặt	
4	Nguyễn Xuân Thực	Khoa Răng Hàm Mặt – Bệnh viện Bạch Mai	
5	Võ Thị Thúy Hồng	Khoa nắn chỉnh răng – Bệnh viện RHM TW	
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Khoa Răng Hàm Mặt	nttha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu Projector, máy tính
- Phòng thực hành Tiền lâm sàng.
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập

Vật tư tiêu hao

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức HV/nhóm
1	Bộ khay khám cơ bản	x		Bộ	2	4
2	Kìm omega	x		Cái	2	4
3	Kìm cắt tại chỗ	x		Cái	2	4
4	Kìm cắt xa	x		Cái	2	4
5	Kìm đi dây	x		Cái	2	4
6	Kìm 442	x		Cái	2	4
7	Kìm Tweed	x		Cái	2	4
8	Cây ấn dây cung	x	x	Cái	2	4
9	Kìm chỉnh torque	x		Cái	2	4
10	Kìm mắc chun	x	x	Cái	2	4
11	Kìm tháo mắc cài	x	x	Cái	2	4
12	Kìm tháo khâu	x		Cái	2	4
13	Chỉ thép 0.5	x	x	Cuộn	1	4
14	Chỉ thép 0.3	x	x	Cuộn	1	4
15	Kìm đặt chun tách khe	x		Cái	2	4
16	Kìm de la rosa	x		Cái	2	4
17	Giấy vẽ phim	x	x	Hộp	4	4
18	Mắc cài	x	x	Hộp	2	4

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức HV/nhóm
19	Kẹp gấp mắc cài	x	x	Cái	2	4
20	Thước đo mắc cài	x	x	Cái	2	4
21	Thước đo lực chỉnh nha	x	x	Cái	2	4
22	Etching	x	x	Lọ	1	4
23	Bond (keo dán nha khoa)	x	x	Lọ	1	4
24	Bộ keo gắn mắc cài	x	x	Tuýp	2	4
25	Vernifluor	x		Lọ	1	4
26	Gelfluor	x		Lọ	1	4
27	Sealant trám bít hố rãnh	x	x	Bộ	1	4
28	Fuji 9	x	x	Lọ	1	4
29	Fuji 7	x	x	Lọ	1	4
30	Xi măng IRM	x		Lọ	1	4
31	Composite lỏng	x	x	Tuýp	1	4
32	Etching	x	x	Lọ	1	4
33	Bond (keo dán nha khoa)	x	x	Lọ	5	4
34	Mũi khoan	x	x	Ví	5	4

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức HV/nhóm
35	Mũi đánh bóng (Enhance)	x	x	Mũi	2	4
36	Chổi cước	x	x	Chiếc	2	4
37	Dung dịch phát hiện mảng bám	x	x	Lọ	5	4
38	Đầu lấy cao răng siêu âm	x	x	Chiếc	1	4
39	Nong tủy K-Files các kích cỡ (15-40)	x	x	Vỉ	1	4
40	Rũa tủy H-Files các kích cỡ (15-40)	x	x	Vỉ	1	4
41	Trâm gai	x	x	Vỉ	1	4
42	Dung dịch Eugenol	x	x	Lọ	1	4
43	Bột kẽm oxit	x	x	Lọ	1	4
44	Bond (keo dán nha khoa)	x	x	Lọ	1	4

Danh mục các trang thiết bị /mô hình sử dụng

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bài 1 (TH). Thói quen xấu ảnh hưởng tới sự phát triển răng miệng ở trẻ em	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm	
2	Bài 2 (TH). Bệnh sâu răng ở trẻ em	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm	
		Mô hình hàm răng sữa trong giáo dục nha khoa			Bộ	2 bộ/1 nhóm	
3	Bài 3 (TH). Thuốc và vật liệu mới dùng trong điều trị răng trẻ em	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm	
		Mô hình hàm răng sữa trong giáo dục nha khoa			Bộ	2 bộ/1 nhóm	
4	Bài 4 (TH). Chương trình nha học đường	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm	

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
5	Bài 5 (TH). Các biện pháp dự phòng bệnh răng miệng	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm	
6	Bài 6 (TH). Phân tích phim sọ nghiêng trong chỉnh hình răng mặt	Mẫu phim Cephalometric		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm	
		Bộ thước đo, bút dạ			Bộ	2 bộ/1 nhóm	
7	Bài 7 (TH). Chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị cho bệnh nhân chỉnh hình răng mặt	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm	
		Mô hình khớp cắn lệch lạc theo Angle			Bộ	2 bộ/1 nhóm	
		Bộ thước đo, bảng xác định tính đối xứng			Bộ	2 bộ/1 nhóm	
8	Bài 8 (TH). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và	Bộ khay khám nha khoa		x	Bộ	2 bộ/1 nhóm	
		Mô hình lệch lạc khớp cắn theo Angle			Bộ	2 bộ/1 nhóm	

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	phát triển sọ mặt						

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

